INTERNAL and PARTNERS

Biểu số: 16B/GNN-2025

Khổ biểu: 29,7x21cm

# Phụ lục II

## DANH SÁCH CÔNG DÂN TẠM HOÃN GỌI NHẬP NGŨ NĂM 2027

*(Kèm theo Thông báo số /TB-BCH ngày tháng 9 năm 2026 của Bộ CHQS tỉnh)*

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 01 | Phan Minh Đặng | - Sinh viên | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Phan Văn Tính, 1977, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Quách Út Tám, 1978, Nội trợ | |
| | 13/3/2007 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207012580 | | | | | | |
| 02 | Huỳnh Bảo Nhi | - Học sinh | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 11/12 | | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Ngô Thị Thanh Thủy,1980, Nội trợ | |
| | 30/11/2008 | - Không | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208002357 | | | | | | |
| 03 | Nguyễn Hoàng Lân | - Sinh viên | - Tổ 2, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Lộc, 1970, Xe ôm | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Mã Thị Kiều, 1976, Nội trợ | |
| | 12/10/2006 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000224 | | | | | | |
| 04 | Lê Minh Luân | - Sinh viên | - Tổ 4, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Ngọc Bạch, 1973, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Kim Thía, 1977, Nội trợ | |
| | 07/6/2003 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000387 | | | | | | |
| 05 | Phan Hoàng Minh Đăng | - Sinh viên | - Tổ 5, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Phan Hoàng Trưởng, 1981, Ấp đội | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Ấp I | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Ngô Thị Ngọc Ý, 1986, Cán bộ | |
| | 25/5/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208003091 | | | | | | |
| 06 | Hồ Bảo Trí | - Sinh viên | - Tổ 7, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Hồ Nhật Tam, 1982, Làm thuê | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Chúc Ly, 1981, Buôn bán | |
| | 12/8/2006 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000123 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 07 | Hà Lâm Vũ | - Sinh viên | - Tổ 7, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Hà Vũ Long, 1978, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lâm Hồng Chẳn, 1978, Công nhân | |
| | 24/7/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000226 | | | | | | |
| 08 | Nguyễn Hải Lý | - Sinh viên | - Tổ 7, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Thành Luân, 1977, Bảo vệ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Trịnh Thị Ngọc Dung, 1975, Buôn bá | |
| | 28/02/2007 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207000170 | | | | | | |
| 09 | Trần Thạc Sỹ | - Sinh Viên | - Tổ 8, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Trần Tiến Dũng, 1975, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Ngô Thị Vẹn, 1977, Cán bộ | |
| | 29/10/2005 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000192 | | | | | | |
| 10 | Lăng Chí Hiệp | - Sinh viên | - Tổ 8, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Lăng Mạnh Hùng, 1979, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Huệ, 1981, Buôn bán | |
| | 31/10/2006 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001355 | | | | | | |
| 11 | Đoàn Hoài Nhớ | - Sinh Viên | - Tổ 10, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Đoàn Hoài Vũ, 1967 (chết) | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Hằng, 1970, Mua bán | |
| | 22/5/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205011812 | | | | | | |
| 12 | Lý Hoàng Dương | - Sinh viên | - Tổ 12, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Lý Minh Châu, 1972, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Đồng Tháp | - Phường Đồng Tháp | - Phụ thuộc | - Không | - Dương Ngọc Bé, 1980, Nội trợ | |
| | 09/11/2006 | - Không | - Phường Đồng Tháp | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000129 | | | | | | |
| 13 | Trần Minh Nhật | - Sinh viên | - Tổ 13, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Trần Văn Thanh, 1972, Cán bộ về hưu | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - Phường Long Tuyền, TP. Cần | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Ngọc Liễu, 1973, Cán bộ về hu | |
| | 08/8/2005 | - Không | - Phường Long Tuyền, TP. Cần | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000297 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Võ Minh Quân | - Sinh viên | - Tổ 13, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Võ Văn Võ, 1974, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Chu Thị Hòa, 1975, Cán bộ | |
| | 31/12/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208010371 | | | | | | |
| 15 | Trần Lê Tân Khoa | - Sinh viên | - Tổ 13, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Trần Văn Đoàn, 1978, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hoàng Mai, 1971, Cán bộ | |
| | 10/01/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208010461 | | | | | | |
| 16 | Hứa Trương Tường Văn | - Sinh viên | - Tổ 13 , ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Hứa Minh Thừa, 1985, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Mỹ Phượng, 1990, Công | |
| | 27/12/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208005221 | | | | | | |
| 17 | Phan Thành Đạt | - Sinh viên | - Tổ 14, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Phan Thành Tiến, 1985, Làm thuê | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Châu Thị Duyên, 1985, Nội trợ | |
| | 29/6/2006 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000221 | | | | | | |
| 18 | Hứa Hoàng Hải | - Sinh viên | - Tổ 14, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Hứa Văn Cho, 1970, Xe ôm | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Phương Thảo, 1978, Nội | |
| | 17/10/2006 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000229 | | | | | | |
| 19 | Hà Trần Trấn Vương | - Sinh viên | - Tổ 14, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Hà Minh Quân, 1964, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Ngọc Nở, 1968, Nội trợ | |
| | 24/10/2007 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207006006 | | | | | | |
| 20 | Nguyễn Chánh Khiêm | - Sinh viên | - Tổ 14 , ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Vũ Phong, 1977, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Duyên, 1981, Nội trợ | |
| | 10/01/2008 | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208016640 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Lương Trung Kiên | - Sinh viên | - Tổ 15, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Lương Tiến Hưng, 1974, Bảo vệ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Mến, 1982, Giáo viên | |
| | 14/9/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208006964 | | | | | | |
| 22 | Sầm Ngô Duy Khang | - Sinh viên | - Tổ 15, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Sầm Quốc Bửu, 1981, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Đồng Tháp | - Đồng Tháp | - Phụ thuộc | - Không | - Ngô Hồng Thắm, 1981, Cán bộ | |
| | 09/01/2007 | - Không | - Đồng Tháp | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207000016 | | | | | | |
| 23 | Nguyễn Minh Tuyền | - Sinh viên | - Tổ 15, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Thời, 1975, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Hồng Ân, 1976, Giáo viê | |
| | 13/10/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208002053 | | | | | | |
| 24 | Nguyễn Chí Tài | - Sinh viên | - Tổ 15, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Đường, 1975, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Thị Sáu, 1980, Nội trợ | |
| | 05/01/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 096208013196 | | | | | | |
| 25 | Nguyễn Xuân Nhật Anh | - Sinh viên | - Tổ 15, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Xuân Thưởng, 1980, Giáo viê | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Chu Thị Minh Hợi, 1983, Giáo viên | |
| | 19/9/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208005398 | | | | | | |
| 26 | Trương Thành Đạt | - Sinh viên | - Tổ 1, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Trương Đức Thành, 1972, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Tuyết Ngoan, 1980, Cán l | |
| | 03/01/2008 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208017350 | | | | | | |
| 27 | Võ Minh Huy | - Học sinh | - Tổ 1, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 10/12 | - Võ Văn Năng, 1971, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 1, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Ngô Thị Huệ, 1976, Nội trợ | |
| | 08/10/2008 | - Không | - Tổ 1, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208008222 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 28 | Đỗ Nguyễn Trung Huy | - Sinh viên | - Tổ 1, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Đỗ Trung Hiếu, 1987, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Phượng, 1986, Nội trợ | |
| | 28/5/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208016538 | | | | | | |
| 29 | Nguyễn Cao Đức Phát | - Sinh viên | - Tổ 2, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Viết Thanh, 1979, Lao động t | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - Phường Long Tuyền, TP. Cần T | - Phụ thuộc | - Không | - Chao Thị Bông, 1980, Nội trợ | |
| | 29/7/2007 | - Không | - Phường Long Tuyền, TP. Cần T | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207004961 | | | | | | |
| 30 | Huỳnh Lý Khải | - Sinh Viên | - Tổ 3, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Huỳnh Tỷ Em, 1983, Sữa xe | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Kim Đẹp, 1985, Nội trợ | |
| | 24/9/2006 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000227 | | | | | | |
| 31 | Hồ Nguyễn Minh Trọng | - Học sinh | - Tổ 3, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 10/12 | - Hồ Thanh Tuấn, 1977, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Ấp II | - Tổ 15 ấp II, Đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Kiều, 1983, Làm rẫy | |
| | 23/3/2008 | - Không | - Tổ 15 ấp II, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208011265 | | | | | | |
| 32 | Lê Huỳnh Anh | - Sinh viên | - Tổ 4, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Văn Mỹ, 1968, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Đoàn Thị Nhung, 1973, Buôn bán | |
| | 06/12/2005 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000292 | | | | | | |
| 33 | Lê Quốc Anh | - Sinh viên | - Tổ 4, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Hoàng Chương, 1983, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - Phường An Bình, TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | | |
| | 19/10/2008 | - Không | - Phường An Bình, TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208004676 | | | | | | |
| 34 | Lê Quang Hậu | - Sinh viên | - Tổ 7, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Văn Phúc, 1975, Hớt tóc | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Huỳnh Dao, 1976, Nội trợ | |
| | 07/10/2006 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000829 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 35 | Âu Hưng Thịnh | - Sinh viên | - Tổ 7, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Âu Tuấn Khanh, 1980, Buôn bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Anh Lý, 1979, Buôn bán | |
| | 04/6/2008 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208015398 | | | | | | |
| 36 | Nguyễn Chí Hiếu | - Sinh viên | - Tổ 7, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Lâu, 1978, Làm rẫy | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Đồng Tháp | - Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Xoàn (chết) | |
| | 03/3/2006 | - Không | - Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000128 | | | | | | |
| 37 | Lê Chí Hữu | - Sinh viên | - Tổ 7, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Hoài Phong, 1983, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - Phường Long Tuyền, TP. Cần T | - Phụ thuộc | - Không | - Đặng Thúy An,1983, Nội trợ | |
| | 20/6/2007 | - Không | - Phường Long Tuyền, TP. Cần T | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207006175 | | | | | | |
| 38 | Võ Vũ Phương Duy | - Sinh viên | - Tổ 9, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Võ Thanh Vũ, 1980, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Kiều Phương, 1984, Nội t | |
| | 09/9/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208008052 | | | | | | |
| 39 | Võ Hoài Phương | - Sinh viên | - Tổ 10, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Võ Văn Chấm, 1975 (chết) | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - Phường Bình Thủy, TP. Cần Tl | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Tuyết Lan, 1976, Nội trợ | |
| | 08/9/2005 | - Không | - Phường Bình Thủy, TP. Cần Tl | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000290 | | | | | | |
| 40 | Trần Quốc Huy | - Sinh viên | - Tổ 9, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Trần Quốc Khanh, 1973, Chở vật tư | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Đồng Tháp | - Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Trinh, 1977, Buôn bán | |
| | 24/3/2008 | - Không | - Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 089208016810 | | | | | | |
| 41 | Nguyễn Tuấn Khang | - Sinh viên | - Tổ 10, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hồng Yến, 1984, Nội trợ | |
| | 06/12/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000220 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 42 | Huỳnh Tuấn Kiệt | - Sinh viên | - Tổ 10, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Huỳnh Công Nghị, 1985, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hồng Thúy, 1986, Công nhân | |
| | 22/02/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000298 | | | | | | |
| 43 | Dương Minh Nhật | - Sinh viên | - Tổ 12, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Dương Minh Hoàng, 1982, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - Phường ninh Kiều, TP. Cần Th | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Thùy Linh, 1982, Cán bộ | |
| | 03/3/2005 | - Không | - Phường ninh Kiều, TP. Cần Th | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000284 | | | | | | |
| 44 | Lê Đình Ngọc Anh | - Sinh viên | - Tổ 12, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Đình Hùng, 1972, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - Phường Tăng Nhơn, TP. Hồ Ch | - Phụ thuộc | - Không | - Chu Thị Hồng Thơ, 1977, Giáo viên | |
| | 30/11/2005 | - Không | - Phường Tăng Nhơn, TP. Hồ Ch | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205011178 | | | | | | |
| 45 | Trần Đoàn Tuấn Phát | - Sinh viên | - Tổ 12, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Trần Thanh Lên, 1978, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - Phường Long Tuyền, TP. Cần T | - Phụ thuộc | - Không | - Đoàn Thị Tuyết Nhanh, 1985, Nội trợ | |
| | 21/3/2007 | - Không | - Phường Long Tuyền, TP. Cần T | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207000104 | | | | | | |
| 46 | Nguyễn Tấn Anh | - Sinh viên | - Tổ 13, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Tuấn Khởi, 1979, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Ngọc Diễm, 1983, Nội trợ | |
| | 30/09/2005 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000291 | | | | | | |
| 47 | Võ Văn Trọng | - Sinh viên | - Tổ 15, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Võ Văn Sang, 1981, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Vĩnh Long | - Xã Phú Thới, Vĩnh Long | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Ngọc Quyên, 1984, Nội trợ | |
| | 04/6/2007 | - Không | - Xã Phú Thới, Vĩnh Long | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207002410 | | | | | | |
| 48 | Vũ Gia Huy | - Sinh viên | - Tổ 15, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Vũ Văn Hận, 1970, Cán bộ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Thu Vân, 1978, Nội trợ | |
| | 12/6/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208002805 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 49 | Lâm Chấn Vũ | - Sinh viên | - Tổ 1, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Lâm Thanh Phong, 1980, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Phan Hồng Diễm, 1984, Nội trợ | |
| | 25/7/2007 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207006220 | | | | | | |
| 50 | Lê Quốc Tài | - Sinh viên | - Tổ 1, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Lê Văn Hùng, 1972, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Thị Xương, 1974, Nội trợ | |
| | 02/7/2007 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207002723 | | | | | | |
| 51 | Nguyễn Thanh Đại | - Sinh viên | - Tổ 1, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Nguyễn Thanh Hà, 1976, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Thị Cam, 1980, Nội trợ | |
| | 21/3/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207009959 | | | | | | |
| 52 | Nguyễn Trọng Khanh | - Sinh viên | - Tổ 2, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Thị Kim Liễu , 1978, Buôn bá | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Văn Tuấn, 1977, Buôn bán | |
| | 09/4/2005 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000903 | | | | | | |
| 53 | Đặng Thành Tâm | - Sinh viên | - Tổ 3, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Đặng Thành Ngưng, 1968, Xe ôm | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ Thuộc | - Không | - Trần Thị Thủy, 1972, Nội trợ | |
| | 28/02/2008 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208010924 | | | | | | |
| 54 | Nguyễn Gia Thuận | - Sinh viên | - Tổ 3, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Trần Thiện Nhân, 1972, Buôn | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Cái Thị Phượng Liên, 1976, Buôn bán | |
| | 05/9/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000902 | | | | | | |
| 55 | Lê Minh Hoài | - Sinh viên | - Tổ 4, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Lê Minh Cu, 1982, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ Thuộc | - Không | - Hồ Thị Luyến, 1984, Nội trợ | |
| | 02/8/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207002261 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 56 | Nguyễn Quốc Đạt | - Sinh viên | - Tổ 4, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Nguyễn Ngọc Tần, 1974, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Hồ Thị Kim Hương, 1976, Nội trợ | |
| | 06/8/2007 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207001607 | | | | | | |
| 57 | Nguyễn Thanh Bình | - Sinh viên | - Tổ 4, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Thà, 1962, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Thái Thị Hồng, 1973, Nội trợ | |
| | 16/3/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206017370 | | | | | | |
| 58 | Nguyễn Tấn Sỹ | - Sinh viên | - Tổ 4, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Minh, 1969, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Hồ Thị Hồng, 1975, Nội trợ | |
| | 31/3/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207002616 | | | | | | |
| 59 | Nguyễn Trung Hiếu | - Sinh viên | - Tổ 5, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Quốc Hùng, 1976, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Bích Hạnh, 1976, Nội trợ | |
| | 13/7/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001348 | | | | | | |
| 60 | Phan Quốc Hưởng | - Sinh viên | - Tổ 6, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Phan Văn Hướng, 1972, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ Thuộc | - Không | - Hồ Thị Thủy, 1974, Nội trợ | |
| | 18/6/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208012480 | | | | | | |
| 61 | Đỗ Gia Huy | - Sinh viên | - Tổ 7, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Đỗ Quang Vịnh, 1966 , Cán bộ y tế | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Đinh Thị Gia Lư, 1978 , Giáo viên | |
| | 23/10/2004 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204016318 | | | | | | |
| 62 | Lý Hồng Phát | - Sinh viên | - Tổ 7, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Lý Hồng Thích, 1969, Buôn bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Phan Thị Kim Oanh, 1976, Buôn bán | |
| | 16/02/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000831 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 63 | Trương Hải Khánh | - Sinh viên | - Tổ 7, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Trương Hoàng Đệ, 1976, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Dung, 1978, Giáo viên | |
| | 06/01/2005 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000823 | | | | | | |
| 64 | Nguyễn Công Vinh | - Sinh viên | - Tổ 8, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Nguyễn Cang Cường, 1972, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Thị Ngọc Diệu, 1988, Nội trợ | |
| | 06/4/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208013021 | | | | | | |
| 65 | Nguyễn Anh Bảo | - Sinh viên | - Tổ 9, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Nguyễn Vũ Đức Hùng 1973, Bảo vệ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ Thuộc | - Không | - Phạm Thị Ngát, 1981, Giáo viên | |
| | 20/01/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208008414 | | | | | | |
| 66 | Lê Thành Hiếu | - Học sinh | - Tổ 9, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 11/12 | - Lê Văn Bằng, 1980, Sửa xe | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 9, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Bích Kiều, 1982, Nội trợ | |
| | 16/01/2008 | - Không | - Tổ 9, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208003595 | | | | | | |
| 67 | Trần Trúc Quyền | - Sinh viên | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung Nông | - 12/12 | - Trần Trúc Thanh, 1974, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ Thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Thu Trang, 1976, Nội trợ | |
| | 20/9/2007 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207011131 | | | | | | |
| 68 | Tô Minh Nguyên | - Sinh viên | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung Nông | - 12/12 | - Tô Văn Tình, 1980, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Kim Nương, 1980, Giáo viên | |
| | 04/6/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091270009372 | | | | | | |
| 69 | Nguyễn Luân Nghĩa | - Sinh viên | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Hồng Sơn, 1984, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Mỹ Khanh, 1982, Nội trợ | |
| | 10/10/2006 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000813 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 70 | Lý Thái Khuê | - Sinh viên | - Tổ 11, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung Nông | - 12/12 | - Lý Văn Tùa, 1981, Thợ hàn | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Loan, 1983, Nội trợ | |
| | 03/7/2008 | - Không | - Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208011292 | | | | | | |
| 71 | Tô Triệu Vĩ | - Sinh viên | - Tổ 1, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Tô Văn Bảy, 1981, Xe ôm | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Huỳnh Như, 1985, Nội trợ | |
| | 21/8/2006 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000806 | | | | | | |
| 72 | Trần Phước Khoa | - Sinh viên | - Tổ 4, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Trần Phước Đăng, 1979, Phụ hồ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Lương Thị Phượng, 1978, Nội trợ | |
| | 18/3/2007 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207000171 | | | | | | |
| 73 | Lê Vũ Duy | - Sinh viên | - Tổ 5, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Minh Phụng, 1972, Công đoàn | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Dương Thị Kim Yến, 1974, Nội trợ | |
| | 04/01/2005 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000831 | | | | | | |
| 74 | Phạm Tuấn Phát | - Sinh viên | - Tổ 6, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Phạm Văn Nhuận, 1973, Xe ôm | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Ngọc Nhung, 1974, Nội trợ | |
| | 12/4/2005 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000820 | | | | | | |
| 75 | Nguyễn Minh Tài | - Sinh viên | - Tổ 7, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Hữu Phúc, 1976, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thùy Dung, 1979, Nội trợ | |
| | 07/7/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206011673 | | | | | | |
| 76 | Trần Hữu Nghĩa | - Học Sinh | - Tổ 7, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 11/12 | - Trần Thanh Xuân, 1983, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Bãi Nhà B | - Tổ 7, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hoàng Oanh, 1985, Nội trợ | |
| | 07/11/2008 | - Không | - Tổ 7, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208001096 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 77 | Trần Văn Khánh | - Sinh viên | - Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Mai Thị Trung, 1972, Nội trợ | |
| | 12/3/2007 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 046207007132 | | | | | | |
| 78 | Nguyễn Tuấn Duy | - Sinh viên | - Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Đào, 1977, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Đào, 1981, Nội trợ | |
| | 04/5/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206015153 | | | | | | |
| 79 | Nguyễn Hữu Tình | - Sinh viên | - Tổ 3, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Sinh, 1975, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hồng, 1985, Nội trợ | |
| | 20/3/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208013923 | | | | | | |
| 80 | Nguyễn Hữu An | - Sinh viên | - Tổ 4, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Cảnh Dương, 1974, cán bộ BI | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Miền, 1980, Cán bộ y tế | |
| | 26/3/2003 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203002638 | | | | | | |
| 81 | Nguyễn Thái Lộc | - Sinh viên | - Tổ 5, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Hồng Thái, 1981, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Mận, 1985, Nội trợ | |
| | 02/12/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001843 | | | | | | |
| 82 | Trần Anh Dũy | - Sinh viên | - Tổ 7, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Trần Văn Sơn, 1978, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Thu Thủy, 1978, Nội trợ | |
| | 04/10/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205001749 | | | | | | |
| 83 | Nguyễn Phước Hoài | - Sinh viên | - Tổ 8, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Minh Thức, 1981, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Tuyết Dưỡng, 1979, Nội trợ | |
| | 17/4/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001918 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 84 | Bùi Vĩnh Hưng | - Sinh viên | - Tổ 8, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 12/12 | - Bùi Huy Vũ, 1970, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Ngô Lan Hương, 1971, Công nhân | |
| | 02/11/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207001747 | | | | | | |
| 85 | Lê Trọng Khang | - Sinh viên | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiê | - Trung Nông | - 12/12 | - Lê Tấn Trọng, 1980, Buôn bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Chót, 1982, Nội trợ | |
| | 19/12/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207014769 | | | | | | |
| 86 | Nguyễn Tuấn Thạnh | - Sinh viên | - Tổ 4, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hà | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Tuấn Anh, 1979, Làm thuê | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Thùy Linh, 1979, Nội trợ | |
| | 12/9/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205015218 | | | | | | |
| 87 | Võ Minh Triều | - Sinh viên | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc Khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Võ Minh Vương, 1973, Buôn bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Sinh viên | - Không | - Nguyễn Thị Nhi, 1984, Buôn bán | |
| | 23/9/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205001903 | | | | | | |
| 88 | Lê Quân Hạo | - Sinh viên | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hà | - Trung Nông | - 12/12 | - Huỳnh Văn Lượm, 1982, Làm rẫy | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Sinh viên | - Không | - Lê Kim Nguyệt, 1984, Buôn bán | |
| | 23/6/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207008330 | | | | | | |
| 89 | Đinh Minh Đăng | - Sinh viên | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hà | - Trung Nông | - 12/12 | - Đinh Công Kết, 1989, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Sinh viên | - Không | - Nguyễn Thị Kim Ngân, 1992, Nội trợ | |
| | 29/8/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208013437 | | | | | | |
| 90 | Huỳnh Quốc Việt | - Sinh viên | - Tổ 3, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Huỳnh Văn Nhà, 1972, Buôn bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Bích Tuyền, 1975, Buôn bán | |
| | 12/01/2007 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207003917 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 91 | Phạm Duy Long | - Sinh viên | - Tổ 3, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Phạm Văn Luân, 1974, Kinh doanh | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Điều, 1969, Nội trợ | |
| | 15/5/2006 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000549 | | | | | | |
| 92 | Trần Hữu Thái Ngọc | - Sinh viên | - Tổ 4, Củ Tron, đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 12/12 | - Trần Hữu Sơn, 1973, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Đặng Thị Vân, 1974, Giáo viên | |
| | 10/01/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207013058 | | | | | | |
| 93 | Dương Nguyễn Tiểu Kỳ | - Sinh viên | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Dương Văn Khương, 1980, Thợ hồ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | | |
| | 03/9/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000540 | | | | | | |
| 94 | Lâm Ngọc Định | - Sinh viên | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Lâm Văn Được, 1979, Kinh doanh | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Đồng Tháp | - Đồng Tháp | - Phụ thuộc | - Không | - Đỗ Thị Ngọc Loan, 1986, Nội trợ | |
| | 16/12/2006 | - Không | - Đồng Tháp | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206011094 | | | | | | |
| 95 | Nguyễn Nhật Duy | - Sinh viên | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Em, 1978, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - An Giang | - An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Mỹ Hoa, 1984, Nội trợ | |
| | 22/11/2007 | - Không | - An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207009134 | | | | | | |
| 96 | Phạm Nhật Triệu | - Sinh viên | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Phạm Minh Tặng, 1976, Buôn bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Hương, 1976, Buôn bán | |
| | 24/01/2006 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206011209 | | | | | | |
| 97 | Phạm Quốc Trực | - Sinh viên | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Phạm Văn Chọn, 1981, Bốc vác | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Giang Thị Mỹ Linh, 1982, Nội trợ | |
| | 22/4/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207013902 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 98 | Hà Quốc Bình | - Sinh viên | - Tổ 6, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Hà Văn Tuấn (chết) | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - An Giang | - An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Út, 1978, Kinh doanh | |
| | 07/7/2007 | - Không | - An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207015788 | | | | | | |
| 99 | Trần Danh Kiên Giang | - Sinh viên | - Tổ 6, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Trần Danh Hưng, 1974, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Thị Ngọc Tuyền 1983, Giáo viên | |
| | 13/9/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091201012853 | | | | | | |
| 100 | Huỳnh Tấn Hậu | - Sinh viên | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Huỳnh Tấn Phấn, 1980, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Sinh viên | - Không | - Nguyễn Thị Xuân Lan, 1976, Nội trợ | |
| | 19/02/2007 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207000103 | | | | | | |
| 101 | Nguyễn Lê Thiện Tâm | - Sinh viên | - Tổ 5, An Cư, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Thanh Tịnh, 1972, Tự do | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Huyền Trân, 1979, Nội trợ | |
| | 07/02/2008 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208015967 | | | | | | |
| 102 | Đặng Lê An Khang | - Sinh viên | - Tổ 5, An Cư, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Đặng Thanh Hải, 1975, Du lịch | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hoàng Oanh, 1979, Cán bộ | |
| | 31/01/2006 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000111 | | | | | | |
| 103 | Nguyễn Minh Học | - Sinh viên | - Tổ 7, An Cư, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Minh Vân, 1978, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Ngọc Huy Chương, 1977 | |
| | 07/9/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207015755 | | | | | | |
| 104 | Dương Văn Lợi | - Sinh viên | - Tổ 10, An Cư, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 12/12 | - Dương Văn Tài, 1982, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Sinh viên | - Không | - Phạm Thị A Tiên, 1985, Nội trợ | |
| | 25/02/2005 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000827 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 105 | Nguyễn Bá Trung | - Sinh viên | - Tổ 1, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Bá Đạt, 1980, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Lệ, 1985, Nội trợ | |
| | 29/02/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208014905 | | | | | | |
| 106 | Nguyễn Duy Hiếu | - Sinh viên | - Tổ 1, Bãi Ngự, đặc khu Kiên Ha | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Duy Cần, 1969, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Hồ Thị Hường, 1975, Nội trợ | |
| | 06/12/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207016301 | | | | | | |
| 107 | Lê Minh Khang | - Sinh viên | - Tổ 3, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Minh Xuân, 1989, Hàn tiện | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - An Giang | - An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Nhu, 1987, Nội trợ | |
| | 03/02/2007 | - Không | - An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207000108 | | | | | | |
| 108 | Tạ Thanh Phát | - Sinh viên | - Tổ 8, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Tạ Văn Sơn, 1952, Kinh doanh | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Bình, 1973, Kinh doanh | |
| | 09/6/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000550 | | | | | | |
| 109 | Châu Phước Tài | - Sinh viên | - Tổ 1, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Châu Văn Hiệp, 1975, Buôn bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Ngọc Diễm, 1976, Nội trợ | |
| | 21/9/2006 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000557 | | | | | | |
| 110 | Phạm Tấn Bi | - Sinh viên | - Tổ 1, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Phạm Xuân Triều, 1975, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Út Nhanh, 1977, Buôn bá | |
| | 02/10/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206017555 | | | | | | |
| 111 | Trần Quốc Toàn | - Sinh viên | - Tổ 1, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Trần Quốc Việt, 1982, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Chung Thị Bích Thủy,1985, Nội trợ | |
| | 17/10/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208001268 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 112 | Đoàn Phước Thiện | - Sinh viên | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Đoàn Văn Đà, 1972, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Ngyễn Thị Lụa, 1972, Nội trợ | |
| | 03/7/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208004122 | | | | | | |
| 113 | Mai Thanh Hải | - Sinh viên | - Tổ 3, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Mai Văn Hiệp, 1979, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Mai Thị Bình, 1980, Nội trợ | |
| | 29/6/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206015515 | | | | | | |
| 114 | Mai Hoàng Ngọc | - Sinh viên | - Tổ 3, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Mai Văn Hiệp, 1979, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Mai Thị Bình, 1980, Nội trợ | |
| | 20/7/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208001152 | | | | | | |
| 115 | Đỗ Công Chiến | - Sinh viên | - Tổ 3, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Đỗ Ngọc Đà, 1976, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Trinh, 1980, Nội trợ | |
| | 5/10/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 052206000943 | | | | | | |
| 116 | Đặng Cường Thịnh | - Sinh viên | - Tổ 3, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Đặng Hoàng Thắng, 1977, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Phan Thị Ánh Dung, 1978, Nội trợ | |
| | 19/5/2005 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000556 | | | | | | |
| 117 | Nguyễn Việt Hoàng | - Sinh viên | - Tổ 3, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Đạt, 1977, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Mai Thị Hồng, 1977, Nội trợ | |
| | 12/02/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205015178 | | | | | | |
| 118 | Nguyễn Tuấn Anh | - Sinh viên | - Tổ 3, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Tươi, 1978, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Oanh, 1980, Nội trợ | |
| | 28/7/2004 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000799 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 119 | Huỳnh Trường An | - Sinh viên | - Tổ 3, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Huỳnh Trường Anh, 1984, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Liễu, 1985, Nội trợ | |
| | 08/4/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208015963 | | | | | | |
| 120 | Huỳnh Khánh Điền | - Sinh viên | - Tổ 3, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Huỳnh Kim Thịnh, 1975, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Thị Ngọc Đẹp, 1982, Nội trợ | |
| | 03/4/2004 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204014772 | | | | | | |
| 121 | Mai Văn Tiến | - Sinh viên | - Tổ 4, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Mai Văn Linh, 1974, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Tống Thị Minh, 1983 (chết) | |
| | 18/8/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208012898 | | | | | | |
| 122 | Thế Đức Hùng | - Sinh viên | - Tổ 4,ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Thế Đức Mạnh, 1977, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Lưu Thị Thanh, 1986, Giáo viên | |
| | 24/4/2008 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208004910 | | | | | | |
| 123 | Lê Hữu Trọng | - Sinh viên | - Tổ 5, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Văn Ngụ, 1981, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Bùi Bảo Ngọc, 1981, Nội trợ | |
| | 17/6/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206017061 | | | | | | |
| 124 | Châu Quang Minh | - Sinh viên | - Tổ 5, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Châu Phương Anh 1982, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Thúy An 1984, Nội trợ | |
| | 07/9/2005 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 91205000563 | | | | | | |
| 125 | Thái Tiến Đạt | - Sinh viên | - Tổ 5, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Thái Văn Vũ, 1975, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Gá,1981, Mua bán | |
| | 20/4/2005 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000558 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 126 | Trần Văn Từng Nán | - Sinh viên | - Tổ 5, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Trần Văn Núi, 1987, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. Cần Thơ | - Thành phố Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Mãi, 1990, Nội trợ | |
| | 27/3/2008 | - Không | - Thành phố Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208007960 | | | | | | |
| 127 | Lê Hoàng Tấn | - Sinh viên | - Tổ 6, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Văn Tùng, 1982, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Thảo, 1987, Buôn bán | |
| | 22/4/2006 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000544 | | | | | | |
| 128 | Khương Trung Nghĩa | - Sinh viên | - Tổ 6, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Khương Trúc Phương,1976, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Hồng Tuyền, 1978, Nội trợ | |
| | 11/6/2002 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202014208 | | | | | | |
| 129 | Lê Quốc Vỹ | - Sinh viên | - Tổ 6, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Văn Đen, 1975, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Dương Thị Tư, 1979, Mua bán | |
| | 18/01/2004 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205010561 | | | | | | |
| 130 | Lê Thiên Phúc | - Sinh viên | - Tổ 8, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Thanh Hiền, 1978, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. Cần Thơ | - TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Thu Thảo, 1978, Mua bán | |
| | 03/12/2005 | - Không | - TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205001806 | | | | | | |
| 131 | Võ Trọng Bảo | - Sinh viên | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Tùng, 1982, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Thị Loan, 1979, Nội trợ | |
| | 17/01/2007 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207004358 | | | | | | |
| 132 | Nguyễn Việt Kiên | - Sinh viên | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lưu Thị Mười, 1986, Nội trợ | |
| | 09/12/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205004310 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 133 | Nguyễn Hữu Thái Huân | - Sinh viên | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Hữu Thái Bảo,1979, Làm biể | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Đoàn Thị Sương,1969, Nội trợ | |
| | 24/8/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207004627 | | | | | | |
| 134 | Nguyễn Tấn Khang | - Sinh viên | - Tổ 11, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Phong Vũ,1981, Mua bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Mai Duyên,1985, Mua bá | |
| | 30/6/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207013911 | | | | | | |
| 135 | Lê Gia Phong | - Sinh viên | - Tổ 12, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Văn Của, 1979, Buôn bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Bé Hai, 1985, Buôn bán | |
| | 01/02/2003 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203010625 | | | | | | |
| 136 | Lê Hoài Phong | - Sinh viên | - Tổ 12, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Văn Của, 1979, Buôn bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Bé Hai, 1985, Buôn bán | |
| | 19/02/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206009588 | | | | | | |
| 137 | Đinh Minh Phê | - Sinh viên | - Tổ 12, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 12/12 | - Đinh Văn Phóng, 1970, Thợ hồ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Trang, 1977, Buôn bán | |
| | 27/3/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206014130 | | | | | | |
| 138 | Lê Đức Anh Tuấn | - Sinh viên | - Tổ 1, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 12/12 | - Lê Đức Tú, 1981, Mua bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Thảo,1979, Giáo viên | |
| | 24/6/2004 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204005963 | | | | | | |
| 139 | Lý Hoàng Nguyện | - Học sinh | - Tổ 1, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 11/12 | - Lý Lê Hùng, 1974, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Nam Du | - Tổ 1, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Trần thị Loan, 1978, Nội trợ | |
| | 25/8/2008 | - Không | - Tổ 1, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208006591 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 140 | Nguyễn Tấn Trãi | - Sinh viên | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiế | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Bộ, 1983, Làm biển | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Đoàn Thị Diệu Ý, 1988, Nội trợ | |
| | 25/01/2005 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205016630 | | | | | | |
| 141 | Lê Xuân Huỳnh | - Công nhân | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Lê Xuân Định, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Trang, 1981. Nội trợ | |
| | 01/10/2004 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204013033 | | | | | | |
| 142 | Nguyễn Quốc Bảo | - Công nhân | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Văn Hướng, 1970, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Nhanh, 1976. Nội trợ | |
| | 10/5/2003 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203015134 | | | | | | |
| 143 | Nguyễn Thanh Luân | - Công nhân | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Cường, 1971, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Phan Thị Thắm, 1977, Công nhân | |
| | 13/10/2002 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202002946 | | | | | | |
| 144 | Quách Thanh Vũ | - Công nhân | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Quách Tuấn, 1972, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Chiêm Thị Hạnh, 1976, Nội trợ | |
| | 27/4/2004 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204015772 | | | | | | |
| 145 | Nguyễn Trấn Đông | - Công nhân | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Thanh Phúc, 1979, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Ấu Thị Diệu, 1982, Nội trợ | |
| | 13/12/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207012818 | | | | | | |
| 146 | Lê Hoàng Quốc Duy Bảo | - Làm thuê | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Thơm, 1988, Công nhân | |
| | 12/12/2008 | - Không | - Tổ 1, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208013643 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 147 | Nguyễn Hiếu Nghĩa | - Làm biển | - Tổ 2, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Quang Nhựt, 1964, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 2, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Ngọc, 1971, Nội trợ | |
| | 04/12/2002 | - Không | - Tổ 2, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202013675 | | | | | | |
| 148 | Mai Thành Tài | - Phụ thuộc | - Tổ 2, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Mai Thành Đạt, 1985, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 2, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Quách Thị Hết, 1988, Nội trợ | |
| | 14/4/2008 | - Không | - Tổ 2, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208006857 | | | | | | |
| 149 | Nguyễn Thanh Đạt | - Phụ thuộc | - Tổ 3, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 3/12 | - Nguyễn Thanh Tú, 1975, Mua bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 3, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Út Nhỏ, 1977, Mua bán | |
| | 08/9/2004 | - Không | - Tổ 3, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204009872 | | | | | | |
| 150 | Trần Dương Em | - Làm thuê | - Tổ 3, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Văn Cường, 1973, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 3, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | | |
| | 26/7/2003 | - Không | - Tổ 3, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203008284 | | | | | | |
| 151 | Trần Văn Sỹ | - Làm thuê | - Tổ 3, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Trần Văn Dũng , 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Nên, 1983, Nội trợ | |
| | 20/11/2007 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207014312 | | | | | | |
| 152 | Nguyễn Chí Công | - Làm biển | - Tổ 4, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 4/12 | - Nguyễn Thành Màu, 1974, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 4, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Hải,, 1978, Nội trợ | |
| | 03/01/2006 | - Không | - Tổ 4, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000228 | | | | | | |
| 153 | Danh Dã | - Làm thuê | - Tổ 4, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 3/12 | - Danh Khá, 1973, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 4, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Lượm, 1973, Nội trợ | |
| | 31/12/2002 | - Không | - Tổ 4, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202000275 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 154 | Trần Minh Kha | - Làm thuê | - Tổ 5, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Trần Văn Minh, 1979, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Kiên Lương | - Xã Kiên Lương | - Phụ thuộc | - Không | - Hồ Thị Tho, 1979, Nội trợ | |
| | 13/02/2003 | - Không | - Xã Kiên Lương | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203009402 | | | | | | |
| 155 | Văn Công Nghĩa | - Làm thuê | - Tổ 7, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Văn Công Trung, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 7, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Còn, 1982, Nội trợ | |
| | 01/12/2005 | - Không | - Tổ 7, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205009828 | | | | | | |
| 156 | Nguyễn Lê Minh Lực | - Làm thuê | - Tổ 8, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Văn Hạnh, 1969 (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 8, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Bi, 1971, Buôn bán | |
| | 27/6/2008 | - Không | - Tổ 8, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208014966 | | | | | | |
| 157 | Phan Thanh Trọng | - Phụ thuộc | - Tổ 9, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Phan Thanh Sang, 1981, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 9, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Ngọc Mỹ, 1986, Nội trợ | |
| | 05/4/2007 | - Không | - Tổ 9, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207008939 | | | | | | |
| 158 | Dương Gia Huy | - Công nhân | - Tổ 10, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Dương Minh Quẹo, 1987, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Thúy Trân, 1987, Nội trợ | |
| | 07/3/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207000100 | | | | | | |
| 159 | Nguyễn Chí Khiêm | - Làm biển | - Tổ 11, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Chí Hùng, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 11, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Tuyết Trang, 1977, Nội trợ | |
| | 17/5/2005 | - Không | - Tổ 11, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000822 | | | | | | |
| 160 | Nguyễn Nhựt Linh | - Làm biển | - Tổ 12, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Văn Cầm, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 12, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Hồng Ly, 1986, Nội trợ | |
| | 13/6/2006 | - Không | - Tổ 12, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206015505 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 161 | Huỳnh Bình An | - Làm biển | - Tổ 12, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Huỳnh Thanh Long, 1956, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 12, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Liên, 1964, Nội trợ | |
| | 20/4/2002 | - Không | - Tổ 12, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202009738 | | | | | | |
| 162 | Trần Quốc Khang | - Công nhân | - Tổ 14, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Trần Út Thừa, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Đồng Nai | - Đồng Nai | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Thị Phúc, 1985, Nội trợ | |
| | 09/7/2005 | - Không | - Đồng Nai | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205004060 | | | | | | |
| 163 | Nguyễn Thanh Tuyền | - Làm thuê | - Tổ 18, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Điệp, 1965, Xe ôm | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 18, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thanh Thúy, Nội trợ | |
| | 09/6/2006 | - Không | - Tổ 18, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206007366 | | | | | | |
| 164 | Ngô Nhựt Đan | - Phụ thuộc | - Tổ 1, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Ngô Văn Khải, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp I | - Tổ 1, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Cẩm, 1980, Nội trợ | |
| | 09/4/2003 | - Không | - Tổ 1, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000395 | | | | | | |
| 165 | Nguyễn Chí Thiện | - Công nhân | - Tổ 3, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Chiến Thắng, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí M | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Tuyết Hồng, 1976, Nội trợ | |
| | 27/7/2005 | - Không | - Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí M | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000296 | | | | | | |
| 166 | Cái Hồng Hạo | - Phụ thuộc | - Tổ 3, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Cái Hồng Hào, 1984, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Đồng Nai | - Đồng Nai | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Kim Ngân, 1986, Nội trợ | |
| | 22/5/2004 | - Không | - Đồng Nai | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000790 | | | | | | |
| 167 | Lê Duy Hòa | - Làm thuê | - Tổ 3, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 3/12 | - Lê Ngọc Tâm, 1971, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Kim Ngọc, 1975, Nội trợ | |
| | 23/02/2007 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207009564 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 168 | Lê Hải Phương | - Làm biển | - Tổ 3, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Lê Văn Đừng, 1979, (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp II | - Tổ 3, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Ngọc Trinh, 1983, Nội trợ | |
| | 01/3/2007 | - Không | - Tổ 3, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207007943 | | | | | | |
| 169 | Võ Phương Nam | - Làm biển | - Tổ 4, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Võ Văn Quế, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp II | - Tổ 4, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Vui, 1974, Nội trợ | |
| | 13/8/2006 | - Không | - Tổ 4, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206008863 | | | | | | |
| 170 | Võ Minh Tuấn | - Công nhân | - Tổ 4, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Bình, 1975, Làm rẫy | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - Phường Tam Thắng, TP. Hồ Ch | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Thị Kim Chi, 1975, (chết) | |
| | 17/01/2008 | - Không | - Phường Tam Thắng, TP. Hồ Ch | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 077208009355 | | | | | | |
| 171 | Hồ Hoàng Phát | - Công nhân | - Tổ 5, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Hồ Hoàng Anh, 1983, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Đồng Nai | - Phường Tam Phước, Đồng Nai | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thu Hồng, 1988, Nội trợ | |
| | 09/12/2008 | - Không | - Phường Tam Phước, Đồng Nai | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208012724 | | | | | | |
| 172 | Vũ Hoàng Hậu | - Làm biển | - Tổ 6, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Vũ Hoàng Phúc, 1968, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp II | - Tổ 6, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Thị Biên, 1980, Nội trợ | |
| | 16/9/2007 | - Không | - Tổ 6, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207012784 | | | | | | |
| 173 | Nguyễn Minh Kha | - Làm biển | - Tổ 7, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Hậu, 1979, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Phú Quốc | - Đặc khu Phú Quốc | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Cẩm Loan, 1980, Nội trợ | |
| | 28/5/2003 | - Không | - Đặc khu Phú Quốc | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203012028 | | | | | | |
| 174 | Âu Thanh Huy | - Phụ thuộc | - Tổ 8, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Âu Thanh Vũ, 1977, Sữa xe | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp II | - Tổ 8, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Kiều Nương, 1978, Nội tr | |
| | 14/12/2004 | - Không | - Tổ 8, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204008628 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 175 | Nguyễn Quốc Trường | - Làm thuê | - Tổ 8, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Thanh Hải, 1979, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Bé Loan, 1979, Nội trợ | |
| | 09/5/2003 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203013258 | | | | | | |
| 176 | Danh Trọng Phúc | - Làm hồ | - Tổ 9, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 4/12 | - Danh Hồng, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp II | - Tổ 9, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Thắm, 1973, Nội trợ | |
| | 18/3/2005 | - Không | - Tổ 9, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000285 | | | | | | |
| 177 | Ngô Thành Thuyền | - Công nhân | - Tổ 9, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Ngô Văn Nol, 1981, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Vân, 1982, Nội trợ | |
| | 24/02/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 0912060000222 | | | | | | |
| 178 | Nguyễn Thái Trường Anh | - Làm thuê | - Tổ 9, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Thế Dũng, 1983, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Biên | - Xã An Biên | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Diễm, 1985, Nội trợ | |
| | 26/5/2007 | - Không | - Xã An Biên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207009002 | | | | | | |
| 179 | Lê Anh Hào | - Công nhân | - Tổ 10, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Tấn Phong, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Long An | - Bến Lức, Tây Ninh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hồng Diễm, 1980, Nội trợ | |
| | 05/11/2007 | - Không | - Bến Lức, Tây Ninh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207006737 | | | | | | |
| 180 | Phạm Kim Hiển | - Làm thuê | - Tổ 11, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Phạm Kim Huấn, 1975, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Đồng Nai | - Đồng Nai | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Kim Khoa, 1978, Nội trợ | |
| | 12/10/2003 | - Không | - Đồng Nai | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203006104 | | | | | | |
| 181 | Trần Văn Nhớ | - Công nhân | - Tổ 11, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Văn Đức, 1963, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Thị Cà Tuốt, 1978, Công nhân | |
| | 22/6/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206006715 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 182 | Đoàn Văn Hậu | - Làm thuê | - Tổ 12, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Đoàn Văn Tồn, 1972, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Cần Thơ | - Xã Long Tuyền, TP. Cần Thơ | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Thu Hiền, 1979, Nội trợ | |
| | 19/10/2006 | - Không | - Xã Long Tuyền, TP. Cần Thơ | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000223 | | | | | | |
| 183 | Vũ Hoàng Đạt | - Làm thuê | - Tổ 12, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Vũ Hoàng Tân, 1972, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Phú Quốc | - Đặc khu Phú Quốc | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Tuyết Hoa, 1972, Nội trợ | |
| | 19/01/2007 | - Không | - Đặc khu Phú Quốc | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207000028 | | | | | | |
| 184 | Lê Văn Hậu | - Công nhân | - Tổ 12, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Phạm Văn Đức, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Long An | - Xã Đức Hòa, Long An | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Diễm Thúy, 1985, Buôn bán | |
| | 24/10/2007 | - Không | - Xã Đức Hòa, Long An | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207004346 | | | | | | |
| 185 | La Nhật Nam | - Làm Thuê | - Tổ 13, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - La Văn Tuấn, 1971, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Sanh, 1979, Nội trợ | |
| | 28/9/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000535 | | | | | | |
| 186 | Bùi Thanh Phong | - Làm biển | - Tổ 15, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 4/12 | - Bùi Văn Mực, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp II | - Ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Đàm Thị Thủy, 1978, Nội trợ | |
| | 22/8/2003 | - Không | - Ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 09123000598 | | | | | | |
| 187 | Trương Hoàng Tiền | - Công nhân | - Tổ 1, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 6/12 | - Trương Hoàng Ta, 1973, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Đỗ Thị Mỹ Kiều, 1976, Nội trợ | |
| | 08/10/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208013341 | | | | | | |
| 188 | Nguyễn Bảo Ngọc | - Du lịch | - Tổ 1, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Bảo Lộc, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 1, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hồng, 1986, Nội trợ | |
| | 24/4/2003 | - Không | - Tổ 1, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203 001069 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 189 | Huỳnh Minh Phụng | - Công nhân | - Tổ 1, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Trần Minh Vũ, 1975, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Ngọc Lan, 1976, Làm thuê | |
| | 07/12/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206009107 | | | | | | |
| 190 | Nguyễn Minh Thuận | - Làm biển | - Tổ 1, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Văn Mỹ, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Trà Vinh | - Phường Trà Vinh, Vĩnh Long | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hồng Nương, 1978, Nội trợ | |
| | 15/5/2003 | - Không | - Phường Trà Vinh, Vĩnh Long | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203013422 | | | | | | |
| 191 | Nguyễn Quốc Huy | - Công nhân | - Tổ 2, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Thành,1975, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Đồng Nai | - Đồng Nai | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Minh Thùy, 1977, Công nhân | |
| | 06/6/2008 | - Không | - Đồng Nai | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208018893 | | | | | | |
| 192 | Đặng Quang Lâm | - Du lịch | - Tổ 2, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Đặng Hùng Cường, 1984, Kinh doanh | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 2, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Ngọc Hân, 1986, Nội trợ | |
| | 01/10/2006 | - Không | - Tổ 2, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000817 | | | | | | |
| 193 | Trần Trọng Trí | - Du lịch | - Tổ 3, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 3, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Nên, 1965, Nội trợ | |
| | 02/8/2004 | - Không | - Tổ 3, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000787 | | | | | | |
| 194 | Trần Đức Duy | - Du lịch | - Tổ 3, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Tùng Linh, 1981, Buôn bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 3, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Thu Trang, 1973, Buôn b | |
| | 23/11/2006 | - Không | - Tổ 3, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206016825 | | | | | | |
| 195 | Huỳnh Văn Thái | - Công nhân | - Tổ 4, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 5/12 | - Huỳnh Ngọc Thiện, 1965, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lưu Thị Thao, 1966, Nội trợ | |
| | 26/6/2001 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091201012465 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 196 | Lê Hoàng Hiếu | - Công nhân | - Tổ 5, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - Mù chữ | - Lê Hoàng Thân, 1972, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hồng, 1970, Công nhân | |
| | 03/01/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208015582 | | | | | | |
| 197 | Trần Thế Anh | - Du lịch | - Tổ 5, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Thế Dũng (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 5, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Gái, 1958, Nội trợ | |
| | 17/11/2004 | - Không | - Tổ 5, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000785 | | | | | | |
| 198 | Danh Xul | - Phụ thuộc | - Tổ 5, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 6/12 | - Danh Xủl, 1979, Làm hồ | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 5, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Đào, 1976, Nội trợ | |
| | 16/11/2008 | - Không | - Tổ 5, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208001399 | | | | | | |
| 199 | Trương Đại Vĩ | - Du lịch | - Tổ 8, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Trương Văn Nguyện, 1984, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 8, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Dương Thị Khoai, 1988, Nội trợ | |
| | 20/10/2004 | - Không | - Tổ 8, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000795 | | | | | | |
| 200 | Mai Chí Vỹ | - Phụ thuộc | - Tổ 8, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Mai Văn Cường, 1978, Buôn bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 8, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Hoàng Việt Phượng, 1980, Buôn bán | |
| | 24/12/2007 | - Không | - Tổ 8, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207014763 | | | | | | |
| 201 | Phan Chí Nguyên | - Du lịch | - Tổ 8, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Phan Văn Thuận, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 8, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Dương Thị Lũng, 1981, Nội trợ | |
| | 03/9/2007 | - Không | - Tổ 8, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207005585 | | | | | | |
| 202 | Nguyễn Huỳnh Tịnh Tâm | - Công nhân | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Văn Thuận, 1970, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Thị Em, 1974, Nội trợ | |
| | 25/3/2003 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203005621 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 203 | Đoàn Quốc Tài | - Công nhân | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 6/12 | - Đoàn Chí Thiện, 1965, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Thị Gái, 1966, Nội trợ | |
| | 14/01/2004 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000800 | | | | | | |
| 204 | Đoàn Trường Thanh | - Du lịch | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 6/12 | - Đoàn Trường Anh, 1981, Làm du lịch | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Đào Mộng Thùy, 1981, Nội trợ | |
| | 01/5/2006 | - Không | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000804 | | | | | | |
| 205 | Trần Quốc Huy | - Công nhân | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung Nông | - 6/12 | - Trần Văn Lịch, 1975, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Hà Thị Bé Mai, 1990, Công nhân | |
| | 26/7/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208015482 | | | | | | |
| 206 | Danh Luốc | - Phụ thuộc | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung Nông | - 6/12 | - Danh Lem, 1980, An ninh trật tự ấp | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Đơn, 1980, Nội trợ | |
| | 07/11/2007 | - Không | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207009536 | | | | | | |
| 207 | Võ Hoàng Huy | - Công nhân | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung Nông | - 5/12 | - Võ Văn Hơn, 1979, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Sáng, Công nhân | |
| | 16/10/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208005605 | | | | | | |
| 208 | Nguyễn Du | - Phụ thuộc | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung Nông | - 6/12 | - Nguyễn Ước Nguyện, 1981, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà A | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Hạnh, 1985, Nội trợ | |
| | 15/10/2008 | - Không | - Tổ 10, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208007454 | | | | | | |
| 209 | Nguyễn Thành Đạt | - Công nhân | - Tổ 11, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung Nông | - 6/12 | - Nguyễn Thành Chương, 1981, Công n | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Đồng Nai | - Đồng Nai | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Mỹ Duyên, 1980, Nội trợ | |
| | 24/10/2008 | - Không | - Đồng Nai | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 91208008491 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 210 | Nguyễn Ngọc Thái | - Công nhân | - Tổ 12, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung Nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Hoài, 1984, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thùy Vân, Nội trợ | |
| | 30/12/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208013722 | | | | | | |
| 211 | Nguyễn Dương Hải | - Công nhân | - Tổ 12, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Văn Trọng, 1962, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Hường, 1961, Nội trợ | |
| | 07/4/2003 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203001085 | | | | | | |
| 212 | Phạm Văn Năng | - Du lịch | - Tổ 2, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Phạm Văn Thưởng, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà B | - Tổ 2, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Nhi, 1982, Nội trợ | |
| | 11/12/2006 | - Không | - Tổ 2, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000828 | | | | | | |
| 213 | Trần Thanh Sang | - Công nhân | - Tổ 2, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 4/12 | - Trần Thanh Liêm, 1963, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bình Dương | - Bình Dương | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Út, 1968, Nội trợ | |
| | 04/02/2008 | - Không | - Bình Dương | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208002318 | | | | | | |
| 214 | Trần Hoàng Khang | - Công nhân | - Tổ 3, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Trần Hoàng Nam, 1978, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bình Dương | - Bình Dương | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị My, 1991, Nội trợ | |
| | 13/01/2008 | - Không | - Bình Dương | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208007288 | | | | | | |
| 215 | Nguyễn Minh Tài | - Công nhân | - Tổ 3, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 6/12 | - Nguyễn Văn Khánh, 1981, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Đồng Nai | - Đồng Nai | - Phụ thuộc | - Không | - Đoàn Thị Thơm, 1988, Nội trợ | |
| | 23/4/2008 | - Không | - Đồng Nai | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208007472 | | | | | | |
| 216 | Nguyễn Phước An | - Làm hồ | - Tổ 3, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - Mù chữ | - Nguyễn Văn Út, 1973, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Nhà B | - Tổ 3, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Thùy Trang, 1974, Nội trợ | |
| | 14/3/2006 | - Không | - Tổ 3, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000825 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 217 | Nguyễn Minh Phú<br>Không<br>16/01/2007<br>091207009017 | - Du lịch<br>- Bãi Nhà B<br>- Không | - Tổ 3, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên<br>- Tổ 3, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên<br>- Tổ 3, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung Nông<br>- Phụ thuộc<br>- Kinh, Không | - 6/12<br>- Không<br>- Đoàn | - Nguyễn Văn Khánh, 1982, Làm biển<br>- Lâm Thị Dệt, 1984, Nội trợ<br>- Không | Trình độ văn hóa thấp |
| 218 | Lê Hữu Nhân<br>Không<br>03/10/2008<br>091208015652 | - Công nhân<br>- Phú Quốc<br>- Không | - Tổ 5, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên<br>- Đặc khu Phú Quốc<br>- ĐK Phú Quốc | - Trung Nông<br>- Phụ thuộc<br>- Kinh, Không | - 5/12<br>- Không<br>- Đoàn | - Lê Văn Tuấn, 1976, Phụ hồ<br>- Trần Thị Tuyết Nhung, 1983, Nội trợ<br>- Không | Trình độ văn hóa thấp |
| 219 | Nguyễn Văn Đạt<br>Không<br>16/9/2007<br>091207005310 | - Làm hồ<br>- Bãi Nhà B<br>- Không | - Tổ 5, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên<br>- Tổ 5, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên<br>- Tổ 5, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung Nông<br>- Phụ thuộc<br>- Kinh, Không | - 6/12<br>- Không<br>- Đoàn | - Nguyễn Thanh Phong, 1978, Công nh<br>- Danh Thị Bé, 1980, Nội trợ<br>- Không | Trình độ văn hóa thấp |
| 220 | Nguyễn Chí Nguyên<br>Không<br>12/9/2005<br>091205012162 | - Mua bán<br>- Bãi Nhà B<br>- Không | - Tổ 7, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên<br>- Tổ 7, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên<br>- Tổ 7, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung nông<br>- Phụ thuộc<br>- Kinh, Không | - 7/12<br>- Không<br>- Đoàn | - Nguyễn Thanh Tầm, 1972, Thợ hồ<br>- Trần Kim Hoàng, 1977, Nội trợ<br>- Không | Trình độ văn hóa thấp |
| 221 | Ngô Minh Nhật<br>Không<br>29/5/2006<br>091206015107 | - Làm biển<br>- Thiên Tuế<br>- Không | - Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên<br>- Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên<br>- Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông<br>- Phụ thuộc<br>- Kinh, Không | - 7/12<br>- Không<br>- Đoàn | - Ngô Hoàng Sơn, 1982, Làm biển<br>- Hồ Thị Kim Phận, 1984, Nội trợ<br>- Không | Trình độ văn hóa thấp |
| 222 | Đỗ Nhật Anh<br>Không<br>16/11/2007<br>091207001318 | - Làm biển<br>- Thiên Tuế<br>- Không | - Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên<br>- Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên<br>- Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông<br>- Phụ thuộc<br>- Kinh, Không | - 7/12<br>- Không<br>- Đoàn | - Đỗ Văn Tính, 1980, Làm biển<br>- Quách Thị Thuý Hằng, 1982, Nội trợ<br>- Không | Trình độ văn hóa thấp |
| 223 | Nguyễn Vũ Hà<br>Không<br>30/6/2005<br>091205017125 | - Công nhân<br>- TP.HCM<br>- Không | - Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên<br>- TP. Hồ Chí Minh<br>- TP. Hồ Chí Minh | - Trung nông<br>- Phụ thuộc<br>- Kinh, Không | - 6/12<br>- Không<br>- Đoàn | - Nguyễn Văn Thơm, 1981, Làm biển<br>- Trần Thị Liễu, 1981, Nội trợ<br>- Không | Trình độ văn hóa thấp |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 224 | Nguyễn Anh Tuấn | - Phụ thuộc | - Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Park Chung Geun (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Thúy Huệ, 1987, Nội trợ | |
| | 27/4/2008 | - Không | - Tổ 1, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208007683 | | | | | | |
| 225 | Quách Hộ Nam | - Làm biển | - Tổ 2, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Quách Văn Sắt, 1978 làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 2, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Nhi, 1980, Nội trợ | |
| | 19/10/2006 | - Không | - Tổ 2, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206012721 | | | | | | |
| 226 | Lê Hoàng Phúc | - Du Lịch | - Tổ 2, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Văn Cầu, 1970, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 2, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Út Em, 1972, Nội trợ | |
| | 04/7/2005 | - Không | - Tổ 2, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205001813 | | | | | | |
| 227 | Nguyễn Hoàng Tình | - Làm biển | - Tổ 2, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Văn Hiến, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Vũng Tàu | - Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Đào, 1978, Nội trợ | |
| | 28/5/2003 | - Không | - Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203005601 | | | | | | |
| 228 | Nguyễn Hoàng Trung | - Làm biển | - Tổ 2, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Văn Hiến, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Vũng Tàu | - Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Đào, 1978, Nội trợ | |
| | 28/5/2003 | - Không | - Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203016859 | | | | | | |
| 229 | Trần Văn Đua | - Làm biển | - Tổ 2, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Vũng Tàu | - Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí | - Phụ thuộc | - Không | - Bùi Thị Cẩm Tú, 1971, Nội trợ | |
| | 19/02/2004 | - Không | - Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204001782 | | | | | | |
| 230 | Trần Văn Hưng | - Công nhân | - Tổ 3, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 5/12 | - Trần Văn Luông, 1968, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Bùi Thị Diệu, 1967, Nội trợ | |
| | 07/8/2001 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091201001102 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 231 | Nguyễn Hoàng Lịnh | - Công nhân | - Tổ 3, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Hoàng Tuấn, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Phan Thị Phương Tâm, 1981, Nội trợ | |
| | 27/10/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000809 | | | | | | |
| 232 | Nguyễn Công Bạc | - Công nhân | - Tổ 3, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Trọng, 1988, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Ngọc Thơm, 1988, Làm thuê | |
| | 13/3/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208014453 | | | | | | |
| 233 | Nguyễn Minh Hiếu | - Công nhân | - Tổ 3, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 1/12 | - Nguyễn Hoàng Tuân, 1977, Làm rẫy | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Phan Thị Phương Tâm, 1988, Làm thu | |
| | 29/3/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208004562 | | | | | | |
| 234 | Bùi Phong Danh | - Công nhân | - Tổ 3, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Bùi Thành Công, 1981, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Từ Thị Cẩm, 1982, Nội trợ | |
| | 24/10/2003 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203001057 | | | | | | |
| 235 | Võ Hữu Luân | - Công nhân | - Tổ 3, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 6/12 | - Võ Văn Lộc, 1982, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Thượng Thị Cẩm Loan, Nội trợ | |
| | 02/05/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208000905 | | | | | | |
| 236 | Cao Trường Giang | - Công nhân | - Tổ 5, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP.HCM | - Phụ thuộc | - Không | - Cao Thị Ngọc Thanh | |
| | 01/5/2008 | - Không | - TP.HCM | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208013934 | | | | | | |
| 237 | Quách Tuấn Kiệt | - Làm biển | - Tổ 5, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Quách Văn Duyên, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 5, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Mộng Trinh, 1985, Nội tr | |
| | 09/01/2006 | - Không | - Tổ 5, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001859 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 238 | Trần Văn Hiếu | - Công nhân | - Tổ 6, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Trần Văn Lạc, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Nên, 1980, Nội trợ | |
| | 10/01/2002 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202014565 | | | | | | |
| 239 | Bùi Vỹ Khang | - Công nhân | - Tổ 6, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 6/12 | - Bùi Ngọc Sơn, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP.HCM | - Phụ thuộc | - Không | - Trịnh Thị Loan, 1988, Nội trợ | |
| | 31/10/2008 | - Không | - TP.HCM | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208010818 | | | | | | |
| 240 | Nguyễn Khánh Huy | - Công nhân | - Tổ 6, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Ní, 1990, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Rạch Giá | - Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Bích Trang, Nội trợ | |
| | 24/4/2008 | - Không | - Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208008371 | | | | | | |
| 241 | Đặng Minh Tâm | - Phụ Thuộc | - Tổ 6, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Đặng Văn Hùng, 1954, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 6, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thanh Hương, 1959, Nội trợ | |
| | 31/01/2006 | - Không | - Tổ 6, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000807 | | | | | | |
| 242 | Trần Gia Bảo | - Làm biển | - Tổ 6, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Thanh Tùng, 1985, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Trà Vinh | - Phường Trà Vinh, Vĩnh Long | - Phụ thuộc | - Không | - Đoàn Thị Kim, 1983, Nội trợ | |
| | 18/5/2004 | - Không | - Phường Trà Vinh, Vĩnh Long | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204001815 | | | | | | |
| 243 | Lý Minh Hợp | - Phụ thuộc | - Tổ 7, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 6/12 | - Lý Minh Trí, 1982, Buôn bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 7, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Lương Thị Phương, 1985, Nội trợ | |
| | 11/10/2008 | - Không | - Tổ 7, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208016911 | | | | | | |
| 244 | Nguyễn Thế Tú | - Làm biển | - Tổ 8, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Chí Hoàng, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 8, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Đinh Thị Hoài Thương, 1983, Nội trợ | |
| | 12/3/2006 | - Không | - Tổ 8, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001798 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 245 | Nguyễn Minh Hải | - Làm biển | - Tổ 8, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Viết Dưỡng, 1986, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 8, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Ngọc Hồng, 1986, Nội trợ | |
| | 16/5/2004 | - Không | - Tổ 8, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204004124 | | | | | | |
| 246 | Mai Tiến Trường | - Công nhân | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Mai Văn Phương, 1970, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Thị Thu Nhanh, 1972, Nội trợ | |
| | 10/10/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208002515 | | | | | | |
| 247 | Hồng Văn Toán | - Làm biển | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Hồng Văn Tính, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Chúc Giang, 1979, Nội trợ | |
| | 07/11/2005 | - Không | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000552 | | | | | | |
| 248 | Lê Vinh Hiển | - Làm biển | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Văn Lợi, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Thị Bích Huyền, 1980, Nội trợ | |
| | 13/5/2006 | - Không | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001782 | | | | | | |
| 249 | Đỗ Nhật Anh | - Phụ thuộc | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Đỗ Văn Lắm, 1983, Buôn bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Tuyết Mai, 1988, Nội trợ | |
| | 11/8/2008 | - Không | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208016822 | | | | | | |
| 250 | Nguyễn Thành Đô | - Làm thuê | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Thanh Điền, 1983, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Giàu, 1985, Nội trợ | |
| | 06/6/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206009999 | | | | | | |
| 251 | Lê Đức Bi | - Làm biển | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Lê Tấn Đạt, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Hồng Đào, 1979, Nội trợ | |
| | 20/9/2006 | - Không | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 0912060010408 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 252 | Trần Thanh Phương | - Làm biển | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 6/12 | - Trần Văn Tám, 1980, Làm hồ | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Thị Ngon, 1982, Nội trợ | |
| | 17/12/2007 | - Không | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207010111 | | | | | | |
| 253 | Huỳnh Tấn Sang | - Làm biển | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 5/12 | - Huỳnh Tấn Thanh, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Bích Thuỷ, 1982, Nội trợ | |
| | 20/3/2007 | - Không | - Tổ 10, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207000271 | | | | | | |
| 254 | Hồ Văn Hoài | - Làm biển | - Tổ 11, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Hồ Văn Trung, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Thiên Tuế | - Tổ 11, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Vũ Thị Oanh, 1984, Nội trợ | |
| | 13/3/2006 | - Không | - Tổ 11, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001848 | | | | | | |
| 255 | Nguyễn Chí Hào | - Công nhân | - Tổ 12, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 6/12 | - Nguyễn Chí Thuận, 1988, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Bùi Thị Thùy Linh, 1988, Công nhân | |
| | 18/12/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208007979 | | | | | | |
| 256 | Nguyễn Triệu Tuấn | - Công nhân | - Tổ 12, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Thanh Bình, 1979, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Long An | - Phường Long An, Tây Ninh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Mỹ Dung, 1985, Nội trợ | |
| | 06/11/2004 | - Không | - Phường Long An, Tây Ninh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204001801 | | | | | | |
| 257 | Nguyễn Tuấn Hữu | - Công nhân | - Tổ 9, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Đến, 1983, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Đồng Nai | - Đồng Nai | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Gỡ, 1984, Công nhân | |
| | 10/01/2008 | - Không | - Đồng Nai | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208015517 | | | | | | |
| 258 | Lưu Hồng Bảo | - Công nhân | - Tổ 11, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 7/12 | - Lưu Hồng Lâm, 1985, chết | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Bé, 1987, Nội trợ | |
| | 25/4/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208006822 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 259 | Dương Hoàng Tuấn | - Công nhân | - Tổ 12, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Dương Hoàng Anh,1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Hồng Hạnh, 1983, Nội trợ | |
| | 15/5/2003 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Công nhân | - Đoàn | - Không | |
| | 091203016687 | | | | | | |
| 260 | Võ Khánh Duy | - Công nhân | - Tổ 12, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 6/12 | - Võ Văn Chiệu, 1983, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP.HCM | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị The, 1984, Nội trợ | |
| | 09/10/2008 | - Không | - TP.HCM | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208002634 | | | | | | |
| 261 | Phan Chí Hữu | - Làm biển | - Tổ 1, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 6/12 | - Phan Văn Hậu, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Bấc | - Tổ 1, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Làm biển | - Không | - Võ Thị Trúc Ly, 1982, Nội trợ | |
| | 21/9/2006 | - Không | - Tổ 1, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001847 | | | | | | |
| 262 | Võ Minh Khá | - Nhân viên | - Tổ 1, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 7/12 | - Võ Minh Thiền, 1966, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Nhân viên | - Không | - Phạn Thị Tiến, 1975, Nội trợ | |
| | 28/01/2004 | - Không | - Phường Rạch Giá, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204001759 | | | | | | |
| 263 | Hồ Văn Yên | - Công nhân | - Tổ 1, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 6/12 | - Hồ Văn Cường, 1976, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Công nhân | - Không | - Bùi Thị Hương, 1977, Làm thuê | |
| | 22/02/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001917 | | | | | | |
| 264 | Huỳnh Nhựt Hào | - Công nhân | - Tổ 2, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 5/12 | - Huỳnh Thanh Giang, 1983, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Kim Vị, 1981, Nội trợ | |
| | 30/9/2002 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202013319 | | | | | | |
| 265 | Hồ Tuấn Em | - Làm biển | - Tổ 2, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 5/12 | - Hồ Minh Nhơn, 1977, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Bấc | - Tổ 2, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Làm biển | - Không | - Phạm Diệu Hiền, 1981, Làm thuê | |
| | 25/5/2005 | - Không | - Tổ 2, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205001899 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 266 | Lê Chí Nguyên | - Nhân viên | - Tổ 3, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung Nông | - 7/12 | - Lê Văn Kha, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Nhân viên | - Không | - Nguyễn Thị Vàng, 1982, Nội trợ | |
| | 17/7/2007 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207003388 | | | | | | |
| 267 | Đào Mạnh Phi | - Công nhân | - Tổ 4, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 3/12 | - Đào Mạnh Quyền, 1975, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Liễu, 1980, Làm nail | |
| | 26/10/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205001812 | | | | | | |
| 268 | Huỳnh Khánh Đăng | - Làm biển | - Tổ 4, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 5/12 | - Huỳnh Văn Luận, 1958, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Bấc | - Tổ 4, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Đẹt, 1959, Nội trợ | |
| | 06/01/2004 | - Không | - Tổ 4, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204001300 | | | | | | |
| 269 | Bùi Quốc Khanh | - Làm biển | - Tổ 4, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung Nông | - 2/12 | - Bùi Quốc Các, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Bấc | - Tổ 4, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Phụ thuộc | - Không | - Lâm Thị Thuý Linh, 1980, Nội trợ | |
| | 01/01/2007 | - Không | - Tổ 4, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207007373 | | | | | | |
| 270 | Nguyễn Thanh Lương | - Làm hồ | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Văn Thanh, 1976, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Bấc | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Ngọc Phỉ, 1978, Làm thuê | |
| | 05/10/2006 | - Không | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001781 | | | | | | |
| 271 | Trần Thanh Phi | - Làm hồ | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 5/12 | - Trần Thanh Hưởng, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Bấc | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Phụ thuộc | - Không | - La Thị Bé, 1982, Nội trợ | |
| | 01/4/2006 | - Không | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001858 | | | | | | |
| 272 | Huỳnh Ngọc Minh | - Du lịch | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung Nông | - 6/12 | - Huỳnh Bảo Châu, 1983, Kinh doanh | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Bấc | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Mộng Tuyền, 1985, Nội trợ | |
| | 26/3/2007 | - Không | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 0912070010324 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 273 | Trần Bá Thiên | - Công nhân | - Tổ 5, Bãi Bấc, Đặc khu Kiên Hả | - Trung Nông | - 6/12 | - Trần Tấn An, 1983, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Đoàn Thị Ánh Ngọc, 1985, Nội trợ | |
| | 29/10/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208009759 | | | | | | |
| 274 | Nguyễn Minh Khôi | - Phụ thuộc | - Tổ 1, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 7/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 1, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Minh, 1963, Nội trợ | |
| | 06/9/2004 | - Không | - Tổ 1, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000553 | | | | | | |
| 275 | Lê Minh Thuận | - Làm biển | - Tổ 1, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 5/12 | - Lê Văn Ba, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 1, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Phan Thị Cẩm, 1977, Nội trợ | |
| | 03/9/2004 | - Không | - Tổ 1, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000541 | | | | | | |
| 276 | Phan Văn Danh | - Làm biển | - Tổ 3, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Phan Văn Quý, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 3, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Cẩm Diện, 1983, Nội trợ | |
| | 11/5/2004 | - Không | - Tổ 3, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000801 | | | | | | |
| 277 | Lương Hoàng Linh | - Làm biển | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 7/12 | - Lương Hải Dương, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Đào Thị Phượng, 1982, Nội trợ | |
| | 01/12/2008 | - Không | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208013589 | | | | | | |
| 278 | Lâm Thành Phú | - Làm biển | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Lâm Thành Phố (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Bích Loan, 1974, Nội trợ | |
| | 17/5/2002 | - Không | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202000416 | | | | | | |
| 279 | Danh Văn Ráng | - Làm biển | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 7/12 | - Danh Văn Tuấn, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Mộng Tiền, 1974, Nội trợ | |
| | 01/7/2002 | - Không | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202000584 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 280 | Hồ Văn Hùng | - Làm biển | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 3/12 | - Hồ Út Nhỏ, 1982, Buôn bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Đỗ Thị Thơm, 1985, Buôn bán | |
| | 15/01/2008 | - Không | - Tổ 4, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208019002 | | | | | | |
| 281 | Phan Văn Hiệp | - Làm biển | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 2/12 | - Phan Văn Thuận, 1979, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 6, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Kiều, 1968, Nội trợ | |
| | 16/7/2008 | - Không | - Tổ 6, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208011610 | | | | | | |
| 282 | Nguyễn Văn Duy | - Làm biển | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Văn Thắng, 1973, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Phượng, 1979, Nội trợ | |
| | 03/8/2006 | - Không | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000826 | | | | | | |
| 283 | Lê Văn Quý | - Làm biển | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Văn Nhịn, 1981, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Bé Ba, 1977, Nội trợ | |
| | 04/12/2006 | - Không | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000822 | | | | | | |
| 284 | Nguyễn Ngọc Dư | - Phụ thuộc | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Minh Hoài, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Dương Thị Ngoan, 1979, Nội trợ | |
| | 10/01/2007 | - Không | - Tổ 5, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207002841 | | | | | | |
| 285 | Phan Văn Hòa | - Làm biển | - Tổ 6, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Phan Văn Thuận, 1979, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 6, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Kiều, 1986, Nội trợ | |
| | 15/6/2005 | - Không | - Tổ 6, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205001370 | | | | | | |
| 286 | Lê Thành Sang | - Làm biển | - Tổ 6, Củ Tron, đặc khu Kiên Ha | - Trung nông | - 7/12 | - Lê Văn Điệp, 1979, Bốc vác | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 6, Củ Tron, đặc khu Kiên Ha | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Yến, 1980, Nội trợ | |
| | 21/7/2007 | - Không | - Tổ 6, Củ Tron, đặc khu Kiên Ha | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207010888 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 287 | Phan Văn Sang | - Làm biển | - Tổ 6, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 3/12 | - Phan Thị Uốt, 1979, Buôn bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Củ Tron | - Tổ 6, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | | |
| | 04/9/2007 | - Không | - Tổ 6, Củ Tron, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207011393 | | | | | | |
| 288 | Phạm Duy Phong | - Làm biển | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Phạm Nhơn, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Nguyễn Thị Tin, 1980, Nội trợ | |
| | 17/02/2002 | - Không | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 095203004641 | | | | | | |
| 289 | Phạm Phú | - Làm biển | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 4/12 | - Phạm Nhơn, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Nguyễn Thị Tin, 1980, Nội trợ | |
| | 12/9/2008 | - Không | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 095208007822 | | | | | | |
| 290 | Lê Vũ Duy | - Làm biển | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Vũ Lâm, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Trần Thị Tú Trâm, 1984, Nội trợ | |
| | 13/11/2004 | - Không | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204012643 | | | | | | |
| 291 | Trần Văn Xuân | - Làm biển | - Tổ 2, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Trần Bậm, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 2, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Ngô Thị Mỹ Dung, 1984, Nội trợ | |
| | 21/7/2003 | - Không | - Tổ 2, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203009007 | | | | | | |
| 292 | Trần Trường Giang | - Làm biển | - Tổ 2, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Trần Bậm, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 2, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Ngô Thị Mỹ Dung, 1984, Nội trợ | |
| | 16/12/2008 | - Không | - Tổ 2, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208003887 | | | | | | |
| 293 | Lý Ngân Giang | - Công nhân | - Tổ 2, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Lý Quốc Thành, 1978, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Công nhân | - Không | - Đinh Thị Thuỳ Trang, 1981, Công nhâ | |
| | 26/01/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208010971 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 294 | Đỗ Anh Kiệt | - Làm biển | - Tổ 2, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Đỗ Văn Thọ (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 2, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Đinh Thị Mộng Dung, 1983, Nội trợ | |
| | 4/12/2005 | - Không | - Tổ 2, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205014364 | | | | | | |
| 295 | Trần Ngọc Thắng | - Làm biển | - Tổ 3, An Cư , Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Ngọc Thiện, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 3, An Cư , Đặc khu Kiên Hả | - Làm biển | - Không | - Nguyễn Thị Hải, 1985, Nội trợ | |
| | 08/5/2004 | - Không | - Tổ 3, An Cư , Đặc khu Kiên Hả | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204018899 | | | | | | |
| 296 | Nguyễn Đức Toàn | - Làm hồ | - Tổ 3, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Thanh Tú, 1972, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 3, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm hồ | - Không | - Phạm Ngọc Nhẫn, 1973, Nội trợ | |
| | 10/11/2007 | - Không | - Tổ 3, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207008619 | | | | | | |
| 297 | Võ Văn Nam Du | - Phụ thuộc | - Tổ 4, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Võ Văn Buốt, 1961, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 4, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Cao Thị Kim Quy, 1970, Nội trợ | |
| | 11/11/2007 | - Không | - Tổ 4, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207016631 | | | | | | |
| 298 | Nguyễn Sang Giàu | - Làm biển | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Tấn Xuyên, 1988, Lao động t | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Lê Diệp Sang, 1990, Nội trợ | |
| | 22/12/2008 | - Không | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208012450 | | | | | | |
| 299 | Trương Ngọc Hải | - Làm biển | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Phạm Thị Thà, 1986, Nội trợ | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Trương Văn Sơn, 1981, Nội trợ | |
| | 07/8/2004 | - Không | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000802 | | | | | | |
| 300 | Dương Thành Thiệt | - Phụ thuộc | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Dương Thành Quân, 1967, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Châu Thị Loan, 1966, Nội trợ | |
| | 02/4/2006 | - Không | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000542 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 301 | Bùi Đặng Thành Pin | - Làm du lịch | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Bùi Văn Thành, 1983, Xe ôm | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm du lịch | - Không | - Đặng Phương Thúy, 1988, Nội trợ | |
| | 11/3/2006 | - Không | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206011626 | | | | | | |
| 302 | Huỳnh Tấn Phát | - Phụ thuộc | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Huỳnh Văn Tuấn, 1973, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Búp, 1972, Nội trợ | |
| | 29/10/2007 | - Không | - Tổ 5, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207012426 | | | | | | |
| 303 | Nguyễn Hoàng Mãi | - Làm biển | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Văn Hậu, 1984, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Bùi Thị Mỹ Hồng, 1985, Nội trợ | |
| | 07/02/2008 | - Không | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 089208015643 | | | | | | |
| 304 | Phạm Trương Anh Khôi | - Làm biển | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Phạm Văn Ngon, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Trương Ngọc Thúy, 1984, Nội trợ | |
| | 13/8/2002 | - Không | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202000410 | | | | | | |
| 305 | Trần Minh Thuận | - Làm biển | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Hoàng Liêm, 1975, Du lịch | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Nguyễn Thị Bích Tuyền, 1976, Nội trợ | |
| | 15/4/2006 | - Không | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206016027 | | | | | | |
| 306 | Nguyễn Quân Hạo | - Làm biển | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Phú An, 1975, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Lê Thị Tâm, 1981, Nội trợ | |
| | 04/10/2006 | - Không | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206012699 | | | | | | |
| 307 | Nguyễn Phước Vinh | - Nhân viên | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Thanh Tôn, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Nhân viên | - Không | - Nguyễn Thị Bích Thủy, 1982, Nội trợ | |
| | 15/7/2006 | - Không | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206011597 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 308 | Võ Ngọc Ẩn | - Nhân viên | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Văn Tèo, 1985, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Nhân viên | - Không | - Huỳnh Kim Mai, 1985, Nội trợ | |
| | 20/3/2006 | - Không | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000547 | | | | | | |
| 309 | Nguyễn Phước Quang | - Nhân viên | - Tổ 6, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Thanh Tôn, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Nhân viên | - Không | - Nguyễn Thị Bích Thuỷ, 1989, Nội trợ | |
| | 18/9/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208012267 | | | | | | |
| 310 | Tân Minh Giang | - Làm biển | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Tân Phước Lâm, 1971, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Nguyễn Thị Kim Vân, 1984, Nội trợ | |
| | 29/12/2003 | - Không | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000631 | | | | | | |
| 311 | Nguyễn Hoàng Giỏi | - Làm biển | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Thị Lý, 1987, Buôn bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | | |
| | 24/4/2003 | - Không | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203011846 | | | | | | |
| 312 | Danh Phúc | - Công nhân | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Danh Thanh Hoàng, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Công nhân | - Không | - Lê Thị Gấm, 1979, Làm biển | |
| | 23/6/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000539 | | | | | | |
| 313 | Châu Văn Tiếng | - Dẫn khách du lịch | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Châu Văn Hoàng, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Dẫn khách du lịch | - Không | - Trần Thị Điệp, 1981, Nội trợ | |
| | 17/02/2006 | - Không | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206011730 | | | | | | |
| 314 | Lý Văn Quý | - Phụ thuộc | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Lý Văn Mín, 1983, Làm hồ | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Mỹ Xuyên, 1984, Nội trợ | |
| | 31/12/2007 | - Không | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207001996 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 315 | Lê Minh Mẫn | - Làm biển | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 4/12 | - Lê Minh Trí, 1972, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Phạm Thị Hường, 1973, Nội trợ | |
| | 16/5/2007 | - Không | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207010215 | | | | | | |
| 316 | Đỗ Minh Thuận | - Buôn bán | - Tổ 7, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 4/12 | - Đỗ Minh Tâm, 1975, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Buôn bán | - Không | - Huỳnh Ánh Tuyết, 1979, Nội trợ | |
| | 03/11/2005 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205004460 | | | | | | |
| 317 | Nguyễn Thanh Hiếu | - Làm biển | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Thành Út, 1971, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Nguyễn Thị Bé Em, 1973, Nội trợ | |
| | 27/5/2005 | - Không | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205009848 | | | | | | |
| 318 | Trần Văn Thành | - Phụ thuộc | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 7/12 | - Mai Văn Đào, 1980, Làm tự do | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Kim Yến, 1981, Nội trợ | |
| | 08/8/2008 | - Không | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208007783 | | | | | | |
| 319 | Nguyễn Văn Nam | - Làm biển | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Hồ Văn Tươi, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Nguyễn Thị Láng, 1978, Nội trợ | |
| | 13/01/2005 | - Không | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205 000815 | | | | | | |
| 320 | Nguyễn Văn Giang | - Làm biển | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 3/12 | - Hồ Văn Tươi, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Nguyễn Thị Láng, 1978, Nội trợ | |
| | 3/12/2006 | - Không | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000819 | | | | | | |
| 321 | Trần Thanh Tâm | - Làm biển | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Trần Thanh Tuấn, 1972, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Nguyễn Thị Bích ngân, 1973, Nội trợ | |
| | 01/4/2006 | - Không | - Tổ 8, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203006391 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 322 | Dương Hải Đăng | - Phụ thuộc | - Tổ 9, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Dương Hải Long, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 9, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Phụ thuộc | - Không | - Bùi Thị Niềm, 1982, Nội trợ | |
| | 07/4/2006 | - Không | - Tổ 9, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000551 | | | | | | |
| 323 | Đặng Văn Thanh | - Làm biển | - Tổ 9, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 6/12 | - Đặng Văn Phương, 1979, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 9, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Làm biển | - Không | - Trần Thị Mộng Tuyền, 1978, Nội trợ | |
| | 30/4/2008 | - Không | - Tổ 9, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208005184 | | | | | | |
| 324 | Nguyễn Văn Duy | - Làm biển | - Tổ 10, An Cư, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Dũng, 1973, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 10, An Cư, Đặc khu Kiên Hả | - Làm biển | - Không | - Trần Thị Mộng Tuyền, 1977, Nội trợ | |
| | 18/4/2003 | - Không | - Tổ 10, An Cư, Đặc khu Kiên Hả | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000628 | | | | | | |
| 325 | Nguyễn Trọng Đại | - Làm biển | - Tổ 10, An Cư, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Trọng Minh, 1973, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Cư | - Tổ 10, An Cư, Đặc khu Kiên Hả | - Làm biển | - Không | | |
| | 05/4/2005 | - Không | - Tổ 10, An Cư, Đặc khu Kiên Hả | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000555 | | | | | | |
| 326 | Trần Trung Lương | - Làm biển | - Tổ 10, An Cư, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Minh Thiện, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Gành Hào | - Gành Hào, Cà Mau | - Làm biển | - Không | - Nguyễn Thị Mọng Thường, 1978, Nội | |
| | 22/9/2008 | - Không | - Gành Hào, Cà Mau | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208006277 | | | | | | |
| 327 | Hoàng Xuân Hiếu | - Công nhân | - Tổ 1, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 7/12 | - Hoàng Xuân Lâm, 1979, Làm hồ | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Duy, 1988, Nội trợ | |
| | 08/02/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000558 | | | | | | |
| 328 | Nguyễn Nhất Du | - Làm biển | - Tổ 2, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Văn Biết, 1975, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Kim Sáu, 1971, Nội trợ | |
| | 18/5/2005 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205001315 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 329 | Lê Minh Luân | - Làm biển | - Tổ 2, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Thanh Thành, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 2, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Phan Thị Hải, 1978, Nội trợ | |
| | 26/9/2003 | - Không | - Tổ 2, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203001063 | | | | | | |
| 330 | Trần Văn Phú | - Phụ thuộc | - Tổ 4, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Trần Văn Thơ, 1982, Nuôi bè cá | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 2, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Ngọc Ánh, 1983, Nội trợ | |
| | 27/7/2005 | - Không | - Tổ 2, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000551 | | | | | | |
| 331 | Đoàn Văn Trọng | - Làm biển | - Tổ 4, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Trần Văn Hung, 1969, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 4, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Lan, 1970, Nội trợ | |
| | 04/02/2002 | - Không | - Tổ 4, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202000589 | | | | | | |
| 332 | Phạm Ngọc Thắng | - Phụ thuộc | - Tổ 4, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 4/12 | - Phạm Ngọc Long, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 4, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Thị Thu Trang, 1984, Nội trợ | |
| | 06/10/2007 | - Không | - Tổ 4, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207006215 | | | | | | |
| 333 | Phạm Ngọc Thành | - Phụ thuộc | - Tổ 4, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 4/12 | - Phạm Ngọc Long, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 4, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Thị Thu Trang, 1984, Nội trợ | |
| | 06/10/2007 | - Không | - Tổ 4, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207007677 | | | | | | |
| 334 | Ngô Nhựt Anh | - Phụ thuộc | - Tổ 5, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 7/12 | - Ngô Văn Nhẫn, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 5, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Kim Ngân, 1981, Nội trợ | |
| | 6/12/2007 | - Không | - Tổ 5, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207013082 | | | | | | |
| 335 | Lâm Hoàng Dũng | - Phụ thuộc | - Tổ 6, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 7/12 | - Lâm Thành Sơn, 1982, Chạy tàu du lị | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 6, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | | |
| | 03/3/2002 | - Không | - Tổ 6, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202006047 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 336 | Phạm Vỹ Khang | - Làm biển | - Tổ 6, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 3/12 | - Phạm Văn Thọ, 1987, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 6, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Mỹ Hoa, 1989, Nội trợ | |
| | 25/4/2008 | - Không | - Tổ 6, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208008005 | | | | | | |
| 337 | Nguyễn Vũ Thành | - Làm biển | - Tổ 6, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Văn Cuộc (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 6, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Vũ Thị Ánh Hồng, 1979, Nội trợ | |
| | 12/8/2008 | - Không | - Tổ 6, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208001910 | | | | | | |
| 338 | Lê Duy Minh | - Phụ thuộc | - Tổ 7, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Thanh Tú, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 7, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Thái Thị Thu, 1980, Nội trợ | |
| | 25/02/2007 | - Không | - Tổ 7, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 089207000248 | | | | | | |
| 339 | Đặng Công Trường | - Phụ thuộc | - Tổ 7, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Đặng Công Giang, 1973 (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 7, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Thành, 1975, Nội trợ | |
| | 16/07/2004 | - Không | - Tổ 7, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000784 | | | | | | |
| 340 | Ngô Trần Hoàng Thành | - Phụ thuộc | - Tổ 8, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 7/12 | - Ngô Hoàng Triệt, 1974, Buôn bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Bãi Ngự | - Tổ 8, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Ngọc Hà, 1975, Nội trợ | |
| | 26/10/2003 | - Không | - Tổ 8, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000629 | | | | | | |
| 341 | Trần Thanh Đạt | - Lao động tự do | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Thanh Phong, 1975, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn T. Tuyết Nhung, 1978, Làm t | |
| | 13/6/2004 | - Không | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204010654 | | | | | | |
| 342 | Phạm Chí Khang | - Lao động tự do | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 3/12 | - Phạm Văn Gần 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Lữ Thị Quyền 1979, Nội trợ | |
| | 16/01/2003 | - Không | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000624 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 343 | Sơn Thanh Tùng | - Công nhân | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 5/12 | - Sơn Nhanh, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Kim Ngân, 1989, Nội trợ | |
| | 23/10/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208002965 | | | | | | |
| 344 | Trần Văn Ngoãn | - Thợ hớt tóc | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Văn Mộng, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Thu Hà, 1978, Nội trợ | |
| | 21/8/2004 | - Không | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000526 | | | | | | |
| 345 | Trần Văn Nghĩa | - Làm biển | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 2/12 | - Trần Văn Nhân, 1979, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Mỹ Nhanh, 1984, Nội trợ | |
| | 18/10/2006 | - Không | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000838 | | | | | | |
| 346 | Đặng Văn Thành | - Làm thuê | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Đặng Hoài Tâm, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thu Nhanh, 1980, Nội trợ | |
| | 05/10/2006 | - Không | - Tổ 2, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206004180 | | | | | | |
| 347 | Lê Thanh Bảo | - Lao động tự do | - Tổ 3, An Phú, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Công Tráng, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Lòng, 1987, Nội trợ | |
| | 11/10/2004 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204013631 | | | | | | |
| 348 | Nguyễn Sĩ Lâm | - Lao động tự do | - Tổ 3, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Lĩnh, 1983, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Thị Thùy Dương, 1988, Nội trợ | |
| | 05/5/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000162 | | | | | | |
| 349 | Trần Hải Đảo | - Phụ thuộc | - Tổ 4, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 4/12 | - Trần Thanh Hải, 1977, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 4, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Kiều, 1979, Làm thuê | |
| | 12/01/2004 | - Không | - Tổ 4, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 0912040009257 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 350 | Trương Văn Mẫn Em | - Làm thuê | - Tổ 4, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 5/12 | - Trương Văn Minh, 1959, Làm Biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 4, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Bùi Thị Bích Lài, 1975, Nội trợ | |
| | 23/03/2004 | - Không | - Tổ 4, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204015059 | | | | | | |
| 351 | Trần Hải Đăng | - Lao động tự do | - Tổ 4, An Phú, Đặc khu Kiên Hả | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Thanh Hải 1977, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Vũng Tàu | - Phường Vũng Tàu, TP. HCM | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Kiều 1979, Làm thuê | |
| | 16/5/2003 | - Không | - Phường Vũng Tàu, TP. HCM | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203013970 | | | | | | |
| 352 | Bùi Quốc Hậu | - Phụ thuộc | - Tổ 4, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Bùi Văn Ân, 1972, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 4, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn T Ngọc Hạnh, 1976, Nội trợ | |
| | 09/12/2002 | - Không | - Tổ 4, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202000415 | | | | | | |
| 353 | Nguyễn Trung Hiếu | - Lao động tự do | - Tổ 5, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Văn Ghét, 1975, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Đặng Kim Hà, 1975, Nội trợ | |
| | 04/7/2002 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202011387 | | | | | | |
| 354 | Nguyễn Minh Đạt | - Phụ thuộc | - Tổ 5, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Minh Sang, 1990, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 5, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nhâm Thị Trúc Linh, 1990, Nội trợ | |
| | 27/12/2007 | - Không | - Tổ 5, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207002011 | | | | | | |
| 355 | Đinh Trung Tín | - Thợ sữa xe | - Tổ 8, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Đinh Trung Hiền, 1982, Mua bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Đồng Tháp | - Tỉnh Đồng Tháp | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Bích Tuyền, 1982, Nội trợ | |
| | 23/3/2007 | - Không | - Tỉnh Đồng Tháp | - Kinh, Không | - Đoàn | - Vợ: Nguyễn T. Nhựt Thi, 2006, Nội t | |
| | 091207008093 | | | | | | |
| 356 | Nguyễn Triệu Vĩ | - Phụ thuộc | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Thành Oai,1963, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Tuyết Hồng, 1968, (chết) | |
| | 27/10/2007 | - Không | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207014150 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 357 | Nguyễn Minh Phúc | - Làm thuê | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 4/12 | - Nguyễn Thanh Vũ, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Mỹ Dung, 1978, Nội trợ | |
| | 15/12/2006 | - Không | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206016910 | | | | | | |
| 358 | Lê Thanh Hồ | - Lao động tự do | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Thanh Hải 1968, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Nhật Phương 1964, Nội trợ | |
| | 29/3/2003 | - Không | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203006209 | | | | | | |
| 359 | Huỳnh Khánh Duy | - Làm biển | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 7/12 | - Huỳnh Tấn Hải 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Bằng, 1985, Nội trợ | |
| | 29/01/2003 | - Không | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203006209 | | | | | | |
| 360 | Huỳnh An Em | - Làm thuê | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 6/12 | - Huỳnh Thanh Bình,1979, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Phan Thị Hiền, 1980, Nội trợ | |
| | 23/8/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206015300 | | | | | | |
| 361 | Huỳnh Khánh Vinh | - Lao động tự do | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Huỳnh Tấn Hải, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Bằng, 1985, Nội trợ | |
| | 06/7/2006 | - Không | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000546 | | | | | | |
| 362 | Cao Văn Hoài Thương | - Phụ thuộc | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 1/12 | - Cao Văn Trạng, 1971, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Phụng, 1972, Nội trợ | |
| | 10/01/2005 | - Không | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205014944 | | | | | | |
| 363 | Trần Văn Hải | - Phụ thuộc | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 3/12 | - Nguyễn Văn Thuận,1979, Làm biện | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị A Tiên,1981, Nội trợ | |
| | 01/01/2007 | - Không | - Tổ 10, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207000010 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 364 | Võ Tấn Quốc | - Làm thuê | - Tổ 12, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 6/12 | - Võ Tấn Phong, 1982, Làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Ấp An Phú | - Tổ 12, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Giang Thị Thảo, 1988, Nội trợ | |
| | 11/11/2006 | - Không | - Tổ 12, ấp An Phú, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000545 | | | | | | |
| 365 | Trần Chí Lĩnh | - Lao động tự do | - Tổ 2, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 3/12 | - Trần Diễm Phúc, 1974, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Hương, 1984, Nội trợ | |
| | 28/11/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208009480 | | | | | | |
| 366 | Trần Vỹ Khang | - Lao động tự do | - Tổ 2, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 7/12 | - Trần Hữu Nghĩa, 1976, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Thía, 1984, Nội trợ | |
| | 25/7/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 087208006992 | | | | | | |
| 367 | Trần Quốc Bảo | - Làm thuê | - Tổ 2, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 3/12 | - Trần Văn Thắm (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 2, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Thủy, 1962, Buôn bán | |
| | 22/6/2005 | - Không | - Tổ 2, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000513 | | | | | | |
| 368 | Nguyễn Văn Trung | - Làm thuê | - Tổ 2, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Văn Sữa, 1981, Lao động tự c | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 2, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Chúc Ly, 1988, Nội trợ | |
| | 08/02/2005 | - Không | - Tổ 2, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001347 | | | | | | |
| 369 | Phan Anh Kiệt | - Lao động tự do | - Tổ 3, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 7/12 | - Phan Văn Nhanh, 1985, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 3, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Vẹn, 1990, Nội trợ | |
| | 19/3/2008 | - Không | - Tổ 3, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208010400 | | | | | | |
| 370 | Đỗ Chí Hiếu | - Làm biển | - Tổ 3, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 3/12 | - Đỗ Văn Tâm, 1974, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 3, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, 1974, Nội trợ | |
| | 21/6/2002 | - Không | - Tổ 3, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202000418 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 371 | Nguyễn Minh Nhân | - Làm biển | - Tổ 4, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Minh Thiện, 1976 (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Vũng Tàu | - Phường Vũng Tàu, TP. HCM | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Thị Như, 1980, Làm thuê | |
| | 26/6/2003 | - Không | - Phường Vũng Tàu, TP. HCM | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204015863 | | | | | | |
| 372 | Nguyễn Tấn Đạt | - Làm thuê | - Tổ 4, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Thành, 1986, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 4, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Đỗ Thị Hường, 1988, Nội trợ | |
| | 26/12/2006 | - Không | - Tổ 4, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206003786 | | | | | | |
| 373 | Nguyễn Hoàng Kỳ | - Làm biển | - Tổ 5, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Hoàng Dương,1979, Làm biể | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 5, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Thị Bích Nga, 1982, Nội Trợ | |
| | 13/6/2004 | - Không | - Tổ 5, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204000528 | | | | | | |
| 374 | Lưu Chí Vĩ | - Lao động tự do | - Tổ 5, An Bình, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 6/12 | - Lưu Thành Đoàn, 1981, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Rạch Giá | - Phường Rạch Giá | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Nhiên, 1982, Nội trợ | |
| | 19/12/2004 | - Không | - Phường Rạch Giá | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205014200 | | | | | | |
| 375 | Lê Hoàng Dương | - Làm biển | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 1/12 | - Lê Văn Cương 1964, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Ba 1967, Nội trợ | |
| | 01/01/2003 | - Không | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000623 | | | | | | |
| 376 | Nguyễn Văn Quyền | - Làm biển | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 6/12 | - Nguyễn Văn Ai 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Phạm Thị Tiễn 1974, Nội trợ | |
| | 06/10/2003 | - Không | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000642 | | | | | | |
| 377 | Huỳnh Tấn Lợi | - Hớt tóc | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 7/12 | - Huỳnh Ngọc Giang, 1968, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Hồ Khanh Ly, 1979, Nội trợ | |
| | 03/12/2004 | - Không | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Lê Thị Chúc Linh, 2001, Nội trợ | |
| | 091204000543 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 378 | Trần Tấn Quang | - Lao động tự do | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 3/12 | - Trần Tấn Sĩ, 1983, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Thị Thu Vân, 1983, Nội trợ | |
| | 08/5/2006 | - Không | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001346 | | | | | | |
| 379 | Trần Tấn Vinh | - Lao động tự do | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 1/12 | - Trần Tấn Sĩ, 1983, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Thị Thu Vân, 1983, Nội trợ | |
| | 15/8/2008 | - Không | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208012015 | | | | | | |
| 380 | Nguyễn Hoàng An | - Làm biển | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Trường, 1983, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp An Bình | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiên | - Phụ thuộc | - Không | - Đỗ Thị Cạn, 1988, Nội trợ | |
| | 21/9/2008 | - Không | - Tổ 6, ấp An Bình, Đặc khu Kiên | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208003707 | | | | | | |
| 381 | Lê Văn Bồi | - Lao động tự do | - Tổ 7, ấp An Bình, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 7/12 | - Lê Văn Hảo, 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Cao Thị Thắm, 1978, Nội trợ | |
| | 15/8/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205013018 | | | | | | |
| 382 | Lê Quốc Đại | - Làm biển | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Văn Thắm, 1981, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Bé Bông, 1988, Nội trợ | |
| | 27/12/2008 | - Không | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208001231 | | | | | | |
| 383 | Nguyễn Văn Quyết Em | - Làm biển | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Văn Sanh, 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Phú Quốc | - Đặc khu Phú Quốc, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Muội, 1983, Nội trợ | |
| | 27/01/2006 | - Không | - Đặc khu Phú Quốc, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206002358 | | | | | | |
| 384 | Trần Văn Trọng | - Làm biển | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 4/12 | - Huỳnh Văn Sa, 1964, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Bạch Sang, 1973, Làm thuê | |
| | 17/6/2006 | - Không | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206012920 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 385 | Nguyễn Thanh Duy | - Làm biển | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Văn Nhiều, 1970, Mua bán | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thanh Tuyền, 1975, Mua bán | |
| | 11/4/2006 | - Không | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206003214 | | | | | | |
| 386 | Lê Chiều Thương | - Lao động tự do | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 6/12 | - Lê Chiều Nguyên, 1973, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Nhừng, 1974, Nội trợ | |
| | 23/02/2005 | - Không | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000547 | | | | | | |
| 387 | Nguyễn Quốc Phòng | - Lao động tự do | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Trung Văn, 1979, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Phương, 1985, Nội trợ | |
| | 02/4/2005 | - Không | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000560 | | | | | | |
| 388 | Lâm Chí Diễn | - Công nhân | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 7/12 | - Lâm Nhật Trường 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Biên Hòa | - Phường Biên Hòa, tỉnh Đồng N | - Phụ thuộc | - Không | - Hồ Thị Mỹ Nương 1977, Nội trợ | |
| | 29/9/2003 | - Không | - Phường Biên Hòa, tỉnh Đồng N | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203014542 | | | | | | |
| 389 | Bùi Quốc Diễn | - Làm biển | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Bùi Quốc Doanh,1974, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Mỹ Loan, 1982, Nội trợ | |
| | 11/11/2003 | - Không | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203012014 | | | | | | |
| 390 | Lê Minh Trí | - Làm biển | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Lê Văn Minh, 1982, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Mộng Thúy, 1981, Nội trợ | |
| | 04/5/2003 | - Không | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000616 | | | | | | |
| 391 | Cái Trường Vũ | - Lao động tự do | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Lâm Văn Đường, 1980, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - An Biên | - Xã An Biên, tỉnh An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Cái Ngọc Giàu, 1981, Nội trợ | |
| | 10/10/2002 | - Không | - Xã An Biên, tỉnh An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202013553 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 392 | Lê Thanh Tài | - Chạy đò | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Lê Văn Cảnh,1990, Chạy đò | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Kim Hoan,1989, Nội trợ | |
| | 19/12/2007 | - Không | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 09120711409 | | | | | | |
| 393 | Lê Thanh Trọng | - Chạy đò | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Lê Văn Cảnh,1990, Chạy đò | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Kim Hoan,1989, Nội trợ | |
| | 19/12/2007 | - Không | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207008299 | | | | | | |
| 394 | Nguyễn Trường Khả | - Lao động tự do | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Nguyễn Trường Hận, 1975, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Út, 1976, Nội trợ | |
| | 28/5/2007 | - Không | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207014128 | | | | | | |
| 395 | Nguyễn Quốc Mạnh | - Mua bán | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Toại, 1962, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Vũng Tàu | - Phường Vũng Tàu, TP. HCM | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Hương, 1973, Nội trợ | |
| | 14/11/2008 | - Không | - Phường Vũng Tàu, TP. HCM | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208009308 | | | | | | |
| 396 | Nguyễn Khắc Ghi | - Làm biển | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Lạc Văn Dũng, 1986, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Ng. Thị Kim Xuyến, 1990, Nội trợ | |
| | 30/9/2008 | - Không | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208001343 | | | | | | |
| 397 | Phạm Minh Triết Thủ | - Làm biển | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Phạm Minh Tâm, 1984, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thanh Thủy, 1988, Nội trợ | |
| | 24/11/2006 | - Không | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206000555 | | | | | | |
| 398 | Phạm Phước Hữu | - Lao động tự do | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Phạm Văn Phú, 1984, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Kim Hân,1986, Nội trợ | |
| | 25/11/2005 | - Không | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000548 | | | | | | |

INTERNAL and PARTNERS

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 399 | Huỳnh Lê Thanh Nam | - Công nhân | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 4/12 | - Lê Kim Thoa, 1978, Nội trợ | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Huỳnh Văn Điệp, 1978, Làm biển | |
| | 18/12/2002 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202014496 | | | | | | |
| 400 | Lê Thanh Thoại | - Lao động tự do | - Tổ 2, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Kim The, 1941, Nội trợ | |
| | 12/9/2002 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091202004352 | | | | | | |
| 401 | Huỳnh Văn Cương | - Lao động tự do | - Tổ 3, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Huỳnh Văn Cầu,1972, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 3, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Linh,1975, Nội trợ | |
| | 05/01/2007 | - Không | - Tổ 3, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 095207005733 | | | | | | |
| 402 | Vương Quốc Việt | - Làm biển | - Tổ 3, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 5/12 | - Vương Chí Cường 1977, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Vũng Tàu | - Phường Vũng Tàu, TP. HCM | - Phụ thuộc | - Không | - Đặng Kim Loan 1978, Nội trợ | |
| | 02/11/2003 | - Không | - Phường Vũng Tàu, TP. HCM | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203006663 | | | | | | |
| 403 | Tạ Văn Tỉnh | - Làm biển | - Tổ 3, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 1/12 | - Tạ Văn Tính, 1975, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - ấp Hòn Mấu | - Tổ 3, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Điệp, 1980, Nội trợ | |
| | 25/5/2003 | - Không | - Tổ 3, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000634 | | | | | | |
| 404 | Nguyễn Văn Khang | - Nhân Viên | - Tổ 3, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 7/12 | - Nguyễn Văn Hải 1978, Làm biển | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | - Phú Quốc | - Đặc khu Phú Quốc, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Bích Tuyền 1983, Nội trợ | |
| | 13/01/2003 | - Không | - Đặc khu Phú Quốc, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203006583 | | | | | | |
| 405 | Cao Chí Vĩnh | - Công nhân | - Tổ 3, Bãi Nhà B, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 9/12 | - Cao Văn Hiền, (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Kim Loan, 1984, Nội trợ | |
| | 10/7/2008 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208006253 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 406 | Ngô Thành Đạt | - Nhân Viên | - Tổ 2, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 8/12 | - Ngô Quốc Khanh, 1985, Làm biển | Vắng mặt địa phương |
| | Không | - Hà Tiên | - Phường Hà Tiên, An Giang | - Phụ thuộc | - Không | - Lê Thị Ngọc Phương, 1985, Làm thuê | |
| | 08/6/2008 | - Không | - Phường Hà Tiên, An Giang | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091208012543 | | | | | | |
| 407 | Nguyễn Văn Sự | - Công nhân | - Tổ 3, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 9/12 | - Nguyễn Văn Sang, 1984, Làm biển | Vắng mặt địa phương |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Trần Thị Hường, 1986, Nội trợ | |
| | 25/8/2005 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 91205001799 | | | | | | |
| 408 | Võ Văn Thái | - Công nhân | - Tổ 5, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Võ Văn Thanh, 1974, Làm biển | Vắng mặt địa phương |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Bé Thảo, 1970, Nội trợ | |
| | 14/3/2003 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203011770 | | | | | | |
| 409 | Nguyễn Quốc Sơn | - Công nhân | - Tổ 5, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung Nông | - 10/12 | - Nguyễn Viết Định, 1979, Làm biển | Vắng mặt địa phương |
| | Không | - TP.HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Lâm Thị Lan, 1982, Nội trợ | |
| | 24/8/2004 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204014573 | | | | | | |
| 410 | Nguyễn Quốc Độ | - Lao động tự do | - Tổ 9, ấp An Phú, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 8/12 | - Nguyễn Văn Hải, 1977, Buôn bán | Vắng mặt địa phương |
| | Không | - TP. HCM | - TP. Hồ Chí Minh | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Liễu, 1981, Làm thuê | |
| | 31/12/2006 | - Không | - TP. Hồ Chí Minh | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206013999 | | | | | | |
| 411 | Huỳnh Tuấn Kiệt | - Công nhân | - Tổ 15, ấp I, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 10/12 | - Huỳnh Văn Tỷ, 1978, Làm thuê | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | - Nhật Bản | - Nhật Bản | - Phụ thuộc | - Không | - Ong Thị Kim Xuyến, 1976, Làm thuê | |
| | 27/4/2005 | - Không | - Nhật Bản | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000834 | | | | | | |
| 412 | Nguyễn Tuấn Khanh | - Sinh viên | - Tổ 4, ấp II, đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Trung Thành, 1972, Làm biển | Đang học tập ở nước ngoài |
| | Không | - Hàn Quốc | - Hàn Quốc | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thu Giang, 1972, Buôn bán | |
| | 26/11/2005 | - Không | - Hàn Quốc | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000534 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 413 | Bành Trường Thư | - Công nhân | - Tổ 3, Bãi Nhà A, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Bành Trường Sơn, 1971, Làm biển | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | - Hàn Quốc | - Hàn Quốc | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Ngọc Ái, 1977, Nội trợ | |
| | 28/4/2004 | - Không | - Hàn Quốc | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204001298 | | | | | | |
| 414 | Phạm Quang Lãm | - Công nhân | - Tổ 4, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Phạm Hồng Giang, 1975, Xe ôm | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | - Hàn Quốc | - Hàn Quốc | - Phụ thuộc | - Không | - Võ Thị Phỉ, 1980, Công nhân | |
| | 07/4/2006 | - Không | - Hàn Quốc | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001810 | | | | | | |
| 415 | Nguyễn Thế Anh | - Công nhân | - Tổ 4, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Vinh, 1980, Làm biển | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | - Hàn Quốc | - Hàn Quốc | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Thị Bình, 1980, Nội trợ | |
| | 16/8/2005 | - Không | - Hàn Quốc | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000814 | | | | | | |
| 416 | Nguyễn Nhật Hào | - Công nhân | - Tổ 5, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Tâm, 1973, Làm biển | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | - Nhật Bản | - Nhật Bản | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Út, 1975, Nội trợ | |
| | 29/9/2006 | - Không | - Nhật Bản | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206012612 | | | | | | |
| 417 | Trương Gia Bảo | - Công nhân | - Tổ 5, Thiên Tuế, Đặc khu Kiên | - Trung nông | - 12/12 | - Huỳnh Thanh Tuấn Anh, | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | - Nhật Bản | - Nhật Bản | - Phụ thuộc | - Không | - Trương Thị Bích, 1984, Mua bán | |
| | 22/10/2006 | - Không | - Nhật Bản | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091206001799 | | | | | | |
| 418 | Nguyễn Đàm Dương Hòa | - Công nhân | - Tổ 11, Thiên Tuế, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Thanh Tùng, 1978, Mua bán | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | - Nhật Bản | - Nhật Bản | - Phụ thuộc | - Không | - Đoàn Thị Thùy Dương, 1984, Mua bá | |
| | 24/10/2004 | - Không | - Nhật Bản | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 086204001271 | | | | | | |
| 419 | Hồ Văn Duy | - Công nhân | - Tổ 1, An Cư, Đặc khu Kiên Hải | - Trung nông | - 11/12 | - Hồ Văn Khánh, 1977, Làm biển | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | - Đài Loan | - Đài Loan | - Công nhân | - Không | - Trương Thị Loan, 1972, Nội trợ | |
| | 20/3/2004 | - Không | - Đài Loan | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091204005883 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm và tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm và tên thường dùng<br>Ngày, tháng, năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | - Nghề nghiệp<br>- Nơi làm việc<br>- Nhóm, ngạch, bậc lương | - Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>- Nơi ở hiện nay của bản thân<br>- Nơi làm việc (nếu có) | - Thành phần gia đình<br>- Thành phần bản thân<br>- Dân tộc, tôn giáo | - Trình độ văn hóa, CMKT<br>- Ngoại ngữ<br>- Đảng, đoàn | - Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 420 | Nguyễn Khắc Trịnh | - Nhân viên | - Tổ 5, Bãi Ngự, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Bé, 1982, Làm biển | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | - Nhật Bản | - Nhật Bản | - Phụ thuộc | - Không | - Mai Thị Trầm, 1986, Nội trợ | |
| | 01/12/2007 | - Không | - Nhật Bản | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091207007292 | | | | | | |
| 421 | Nguyễn Quốc Huy | - Xuất khẩu LĐ | - Tổ 11, An Phú, Đặc khu Kiên H | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Văn Hoài 1981, Hớt tóc | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | - Nhật Bản | - Nhật Bản | - Phụ thuộc | - Không | - Hà Thị Bích Liên 1984, Nội trợ | |
| | 14/12/2003 | - Không | - Nhật Bản | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 0912032010164 | | | | | | |
| 422 | Nguyễn Tấn Tài | - Sinh viên | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Mười Nhỏ, 1969, Hớt tóc | Đang học tập ở nước ngoài |
| | Không | - Du học Hàn | - Hàn Quốc | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Kim Xuân, 1976, Nội trợ | |
| | 09/11/2005 | - Không | - Hàn Quốc | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000549 | | | | | | |
| 423 | Nguyễn Phát Tài | - Sinh viên | - Tổ 1, Hòn Mấu, Đặc khu Kiên I | - Trung nông | - 12/12 | - Nguyễn Mười Nhỏ, 1969, Hớt tóc | Đang học tập ở nước ngoài |
| | Không | - Du học Hàn | - Hàn Quốc | - Phụ thuộc | - Không | - Nguyễn Kim Xuân, 1976, Nội trợ | |
| | 09/11/2005 | - Không | - Hàn Quốc | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091205000546 | | | | | | |
| 424 | Nguyễn Văn Tỷ | - Sinh viên | - Tổ 1, ấp Hòn Mấu, Đặc khu Kiê | - Trung nông | - ĐH QTDL - I | - Nguyễn Văn Oanh, 1975, NV máy đèn | Đang học tập ở nước ngoài |
| | Không | - Du học Hàn | - Hàn Quốc | - Phụ thuộc | - B1 | - Nguyễn Thu Trâm, 1978, Nội trợ | |
| | 06/4/2003 | - Không | - Hàn Quốc | - Kinh, Không | - Đoàn | - Không | |
| | 091203000397 | | | | | | |